

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ NAM CƯỜNG  
HUYỆN CHỢ ĐÒN - TỈNH BẮC KẠN**

**LỊCH SỬ  
ĐẢNG BỘ XÃ NAM CƯỜNG  
(1945 - 2014)**

**NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC**





**CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH (1890-1969)**  
*Người sáng lập và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam*



## **BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN**

**Hoàng Hữu Thái**

Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã - Trưởng ban

**Hoàng Văn Quảng**

Phó Bí thư, Chủ tịch UBND xã - Phó Trưởng ban

**Long Văn Bách**

Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy xã - Phó Trưởng ban

**Lục Quốc Chu**

Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy Chợ Đồn - Ủy viên

**Lâm Hoàng Huy**

Phó Chủ tịch UBND xã - Ủy viên

## **BAN SƯU TẦM TƯ LIỆU**

**Hoàng Hữu Thái**

Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã - Trưởng ban

**Long Văn Bách**

Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy xã - Phó Trưởng ban

**Lâm Hoàng Huy**

Phó Chủ tịch UBND xã - Ủy viên

**Mai Thị Diễm**

Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã - Ủy viên

**Hoàng Hữu Ly**

Cán bộ tiền nhiệm - Ủy viên

**Triệu Xuân Thành**

Cán bộ quân đội đã nghỉ hưu - Ủy viên

**Hoàng Văn Bình**

Chủ tịch Hội Cựu chiến binh - Ủy viên

**Mã Đức Sương**

Chủ tịch Hội Người cao tuổi - Ủy viên

**Hoàng Văn Lu**

Bí thư Chi bộ thôn Bản Quá - Ủy viên

**Hà Sỹ Việt**

Hội viên Hội Người cao tuổi - Ủy viên

**Trần Ngọc Vàng**

Cán bộ văn hóa xã - Ủy viên

### **BAN NGHIÊN CỨU BIÊN SOẠN**

**PGS. TS: Vũ Quang Vinh**

**Thạc sỹ - Nhà báo: Nguyễn Ngọc Hạnh**

**Thạc sỹ: Phạm Thị Huyền**

**Thạc sỹ: Nguyễn Duy Thanh**

## LỜI NÓI ĐẦU

Xã Nam Cường nằm ở phía Bắc của huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn, cách trung tâm huyện khoảng 35km. Đây là xã vùng cao của huyện với 5 dân tộc (Tày, Dao, Kinh, Nùng, Mông) sinh sống và lao động sản xuất. Trên mảnh đất này, nhân dân các dân tộc đã luôn kề vai sát cánh, cần cù trong lao động, kiên cường trong chiến đấu, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Năm 1858, thực dân Pháp xâm lược nước ta, nhân dân Nam Cường cũng như nhân dân cả nước phải sống trong cảnh nô lệ, bị bóc lột hết sức nặng nề. Mùa xuân năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Nam Cường đã đi theo cách mạng, góp phần giải phóng quê hương, giành chính quyền về tay nhân dân và xây dựng cuộc sống mới.

Qua thực tiễn đấu tranh cách mạng, nhiều người con ưu tú của xã đã vinh dự được đứng trong hàng ngũ của Đảng. Đây là tiền đề quan trọng cho sự ra đời của Chi bộ liên xã Nhu Viễn vào cuối năm 1947. Ngay sau khi ra đời, Chi bộ Đảng đã trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng của xã. Tháng 9-1952, xã Nam Cường được tách ra từ xã Lạc Long, cùng với đó, Chi bộ Đảng xã Nam Cường cũng được thành lập đánh dấu một bước phát triển mới trong

phong trào cách mạng của xã nhà. Từ đây, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chi bộ Đảng Nam Cường, nhân dân các dân tộc trong xã đã tích cực đóng góp sức người, sức của cho chiến trường, cùng nhân dân cả nước đánh thắng thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược.

Trải qua hai cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, nhân dân Nam Cường đã làm tròn nghĩa vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn. Trong những năm tháng chiến tranh ác liệt ấy, có biết bao thế hệ con em Nam Cường đã lên đường tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu, trong đó có 11 người con ưu tú đã anh dũng hy sinh trên các chiến trường và hàng chục thương binh, bệnh binh đã đóng góp mồ hôi công sức và máu xương cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Trong 2 cuộc kháng chiến, Nam Cường còn là địa bàn đứng chân của nhiều đơn vị, cơ quan Trung ương và tỉnh về sơ tán; cung cấp hàng nghìn tấn lương thực, thực phẩm chi viện cho chiến trường. Với những đóng góp to lớn đó, Chi bộ Đảng và nhân dân Nam Cường đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý.

Nhờ những nỗ lực phấn đấu không ngừng cho sự nghiệp cách mạng, năm 1977 Chi bộ Đảng xã Nam Cường phát triển thành Đảng bộ hai cấp. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ xã, nhân dân các dân tộc Nam Cường đã tiếp tục phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng cùng với nhân dân cả nước hoàn thành thắng lợi cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Tây Nam và phía Bắc của Tổ quốc, giữ vững độc lập chủ quyền của dân tộc.

Từ năm 1986 đến nay, Đảng bộ và nhân dân Nam Cường tiếp tục chung sức, đồng lòng thực hiện công cuộc đổi mới và tiến hành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, văn minh.

Xuất phát từ tình cảm cao đẹp “Uống nước nhớ nguồn” của người dân Nam Cường hôm nay đối với thế hệ cha anh đi trước. Đồng thời, thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 28-8-2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về đẩy mạnh công tác nghiên cứu lịch sử Đảng, chủ trương của Tỉnh ủy Bắc Kạn và Huyện ủy Chợ Đồn về việc nghiên cứu, xuất bản lịch sử Đảng bộ cơ sở, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Nam Cường khóa XIII (nhiệm kỳ 2010-2015) đã ra Nghị quyết về việc nghiên cứu - biên soạn cuốn “**Lịch sử Đảng bộ xã Nam Cường 1945-2014**”.

Cuốn sách ghi lại những chặng đường vẻ vang, những chiến công trong chiến đấu cũng như trong lao động, sản xuất của nhân dân các dân tộc Nam Cường dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, Đảng bộ xã. Đồng thời, là nguồn cổ vũ lớn lao, góp phần khơi dậy và giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa của vùng đất Nam Cường cho thế hệ con cháu. Qua đó, giúp những người con của Nam Cường hôm nay nâng cao sự hiểu biết, niềm tự hào về mảnh đất, nơi mình đã sinh ra và lớn lên.

Để cuốn sách được ra mắt bạn đọc là sự cố gắng, nỗ lực lớn của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Nam Cường, các đồng chí trong Ban Suu tầm, Ban Nghiên cứu - Biên soạn, cũng như sự tham gia nhiệt tình cung cấp thông tin, tư

liệu của các đồng chí đảng viên, lão thành cách mạng, cán bộ tiền khởi nghĩa trong và ngoài xã - những nhân chứng hoạt động qua các thời kỳ cách mạng. Nhân dịp cuốn sách được xuất bản, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Nam Cường xin cảm ơn sự quan tâm, giúp đỡ của Ban Tuyên giáo Huyện ủy, Ban Nghiên cứu - Biên soạn, các ban ngành, đoàn thể, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã đã giúp chúng tôi hoàn thành cuốn sách này.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng song cuốn sách không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót do trải qua các cuộc kháng chiến, nguồn tư liệu thành văn bị thất lạc, các nhân chứng lịch sử người còn, người mất... Do vậy, trong lần xuất bản đầu tiên này, chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các đồng chí cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã cùng bạn đọc gần xa để khi có điều kiện tái bản, cuốn sách được hoàn thiện hơn.

**TM. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Nam Cường**

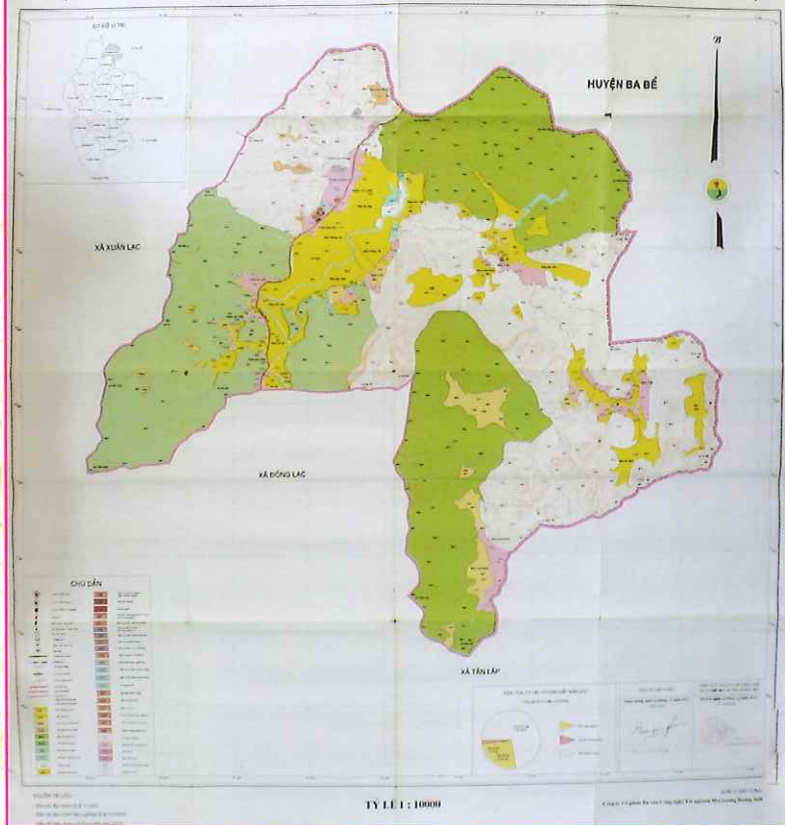
Bí thư - Trưởng Ban chỉ đạo

**Hoàng Hữu Thái**

# BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2010 XÃ NAM CƯỜNG

HUYỆN CHỢ ĐỒN

TỈNH BẮC KẠN



*Bản đồ quy hoạch sử dụng đất xã Nam Cường*







*Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Nam Cường*



*Trạm Y tế xã Nam Cường*

## *Chương I*

# VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ - VĂN HÓA XÃ NAM CƯỜNG

## I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ XÃ NAM CƯỜNG

### 1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên

Xã Nam Cường là một xã vùng cao của huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn, nằm cách trung tâm huyện khoảng 35km về phía Bắc. Xã có ranh giới tiếp giáp với các xã như sau: phía Đông giáp xã Hoàng Trĩ (huyện Ba Bể), phía Tây giáp xã Xuân Lạc, phía Nam giáp xã Đồng Lạc, phía Bắc giáp xã Nam Mẫu (huyện Ba Bể).

Xã có Tỉnh lộ 254 chạy qua trung tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao thương, vận chuyển, trao đổi hàng hóa từ hai trung tâm kinh tế huyện Chợ Đồn và huyện Ba Bể; tiếp nhận các thành tựu khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến và khả năng thu hút vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài huyện.

Khí hậu của xã Nam Cường mang những nét đặc trưng khu vực miền núi Đông Bắc bộ, khí hậu nhiệt đới gió mùa, chia thành 4 mùa trong năm: xuân, hạ, thu, đông nhưng có hai mùa rõ rệt là mùa đông và mùa hạ. Mùa đông khô và lạnh; mùa hạ nóng ẩm, mưa nhiều. Nhiệt độ

trung bình trong năm là 21,2°C, nhiệt độ trung bình tháng cao nhất là 29°C (tháng 6, 7), nhiệt độ trung bình tháng thấp nhất là 16,1°C (tháng 1, 2). Tổng lượng nhiệt cả năm đạt 7.000 - 8.000°C.

Lượng mưa trung bình hàng năm đạt 1.700mm. Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 10, mưa nhiều từ tháng 6 đến tháng 8 gây ngập úng lâu ngày ở vùng đất trồng lúa (khu vực Nà Cọn) và đất soi bãi. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau thường kèm theo gió mùa Đông Bắc và các đợt rét đậm, rét hại; từ tháng 12 đến tháng 2 là thời điểm ít mưa, nhiệt độ xuống thấp, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp.

Trên địa bàn xã còn diễn ra những kiểu thời tiết đặc biệt như gió lốc, hiện tượng sương mù cũng thường xuyên xảy ra. Tuy nhiên, ảnh hưởng không nhiều đến đời sống và sản xuất của người dân.

Xã Nam Cường có 24,97ha sông, suối và mặt nước chuyên dùng cùng với hệ thống ao, hồ, đập lớn nhỏ là những nguồn nước quý phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất. Hệ thống khe suối tương đối nhiều, sông Nam Cường là con sông lớn chảy qua địa bàn xã đổ ra hồ Ba Bể, lưu lượng nước và dòng chảy trung bình nhưng mùa mưa thường gây ngập úng do không tiêu nước kịp, gây cản trở lớn đối với sản xuất nông nghiệp của xã. Nguồn nước sinh hoạt của nhân dân lấy từ các nguồn: nước giếng, nước mưa, nước khe suối.

Về đất đai, xã có tổng diện tích tự nhiên là 3.235ha, trong đó: đất nông nghiệp là 726,26ha, đất phi nông

nghiệp là 63,94ha, đất chưa sử dụng là 2.419,31ha. Với diện tích đất đai như trên là lợi thế để xã đầu tư phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, chăn nuôi; đồng thời là điều kiện tương đối thuận lợi cho việc xây dựng các khu dịch vụ thương mại tập trung, phát triển các ngành tiểu thủ công nghiệp, chế biến nông, lâm sản. Do địa hình chủ yếu là đồi núi nên loại đất chính phân bố trên địa bàn toàn xã là đất feralit phát triển trên phiến thạch sét và sa thạch có màu nâu vàng và đỏ vàng, loại đất này độ phì khá phù hợp cho phát triển cây ăn quả và trồng rừng. Ngoài ra, có đất ruộng bao gồm đất phù sa phân bố chủ yếu dọc theo sông Nam Cường và đất ruộng bậc thang biến đổi do trồng lúa; các loại đất này có độ phì thấp, chua, nghèo lân, các yếu tố dinh dưỡng khác trung bình và thấp. Vì vậy, năng suất cây trồng không cao, số diện tích đất ruộng chủ yếu để cấy lúa, một số ít trồng ngô và một số cây hoa màu khác.

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2010, diện tích đất rừng của xã Nam Cường có 351,98ha, trong đó rừng sản xuất có 206,96ha, rừng phòng hộ có 145,02ha. Rừng của xã trữ lượng gỗ thấp, hầu hết những cây gỗ quý đã bị khai thác cạn kiệt. Số diện tích rừng hiện nay cây đang ở tuổi khép tán nên trữ lượng gỗ chưa cao, chủ yếu là do hộ gia đình, cá nhân quản lý. Tuy nhiên, với trữ lượng rừng hiện nay cùng với diện tích rừng trồng theo dự án đang phát triển, nếu được quản lý bảo vệ tốt, lâm nghiệp sẽ là ngành kinh tế quan trọng của xã, góp phần tăng thu nhập cho người dân.

Như vậy, với vị trí địa lý nằm trên tuyến đường giao thông huyết mạch, nối với các xã trong huyện và khu du

lịch Ba Bê là điều kiện thuận lợi cho việc thúc đẩy giao lưu thương mại, kinh tế, văn hóa của xã. Bên cạnh đó, điều kiện khí hậu phù hợp, diện tích đất nông nghiệp khá lớn và phân bố tập trung là thuận lợi lớn cho việc sản xuất nông nghiệp, canh tác rừng và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật của xã. Tuy nhiên, địa hình núi cao, giao thông đi lại khó khăn là một trở ngại lớn trong lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội của xã.

## **2. Điều kiện kinh tế, xã hội**

Cùng với những điều kiện về địa lý tự nhiên thuận lợi, điều kiện kinh tế - xã hội phát triển là cơ sở quyết định quan trọng cho sự tồn tại và phát triển bền vững của xã.

Dân số toàn xã tính đến năm 2014 là 3.330 nhân khẩu, 760 hộ gia đình, mật độ dân số bình quân khoảng 99 người/km<sup>2</sup>. Số người trong độ tuổi lao động là 1.709 người, chiếm 53,7%. Hầu hết những người trong độ tuổi lao động đều có việc làm, chủ yếu là lao động phổ thông. Lực lượng lao động có sức trẻ, cần cù, chịu khó, tuy nhiên trình độ chuyên môn kỹ thuật còn hạn chế nên năng suất lao động còn thấp.

Xã Nam Cường được chia thành 11 thôn bản: Nà Linh, Nà Liên, Nà Mèo, Bản Mới, Cốc Lùng, Phiêng Cà, Cọn Pông, Bản Chày, Bản Quá, Bản Lôm, Lũng Noong. Dân cư phân bố khá đồng đều ở các thôn bản, tập trung chủ yếu ở dọc các tuyến đường chính trong xã, một số điểm dân cư nhỏ lẻ phân tán trong các khu vực đất nông lâm nghiệp.

Nông nghiệp giữ vai trò trọng yếu trong phát triển kinh tế của xã, do việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, gieo trồng các giống lai, năng suất cao đồng thời có sự đầu tư vào sản xuất nên giá trị sản lượng nông nghiệp năm sau luôn cao hơn năm trước. Cơ cấu cây trồng, vật nuôi ngày càng đa dạng và dần thay đổi theo hướng sản xuất hàng hóa.

Ngành tiểu thủ công nghiệp đã bước đầu phát triển với 2 doanh nghiệp xây dựng và chế biến lâm sản, 2 doanh nghiệp làm dịch vụ thương mại. Chợ Nam Cường là điểm giao thương buôn bán của nhân dân trong xã, với các hình thức kinh doanh và chủng loại hàng hóa tương đối phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu cơ bản cho sinh hoạt tiêu dùng của nhân dân.

Được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước bằng các chính sách cụ thể, kịp thời, cùng với sự nỗ lực của các cấp, các ngành và nhân dân địa phương, đời sống người dân đã có nhiều tiến bộ, bộ mặt của nông thôn có nhiều thay đổi. Công tác xóa đói giảm nghèo được triển khai thường xuyên đã góp phần vào việc giảm số lượng các hộ đói nghèo. Năm 2012, tỷ lệ hộ nghèo của xã là 6,95%, thu nhập bình quân trên đầu người đạt 6 triệu đồng/năm.

Công tác văn hóa, giáo dục, y tế cũng nhận được sự quan tâm thường xuyên của tỉnh, huyện và sự phấn đấu, nỗ lực của cấp ủy Đảng, chính quyền. Trường Trung học cơ sở, Tiểu học, Mầm non có đội ngũ cán bộ, giáo viên thường xuyên được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, nhiệt tình với công việc nên chất lượng giáo dục không

ngừng được nâng cao. Trạm y tế xã đã được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn tài trợ đạt chuẩn quốc gia với 5 cán bộ, 11 y tế thôn, bản phục vụ công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình được triển khai thực hiện tốt, các chương trình y tế quốc gia đều thực hiện có hiệu quả, không để xảy ra dịch bệnh nguy hiểm.

Cơ sở hạ tầng cũng như hoạt động của ngành bưu chính viễn thông phát triển nhanh, chất lượng thông tin được củng cố, nâng cao và hiện đại hóa với kỹ thuật tiên tiến. Sóng truyền thanh, truyền hình và mạng điện thoại di động đã phủ trên địa bàn 11 thôn của xã.

Trong những năm qua, các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn và các chính sách về dân tộc đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư, phát triển xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn ở địa phương. Đặc biệt là nguồn vốn Chương trình 135 phát huy được hiệu quả thiết thực do vậy hệ thống cơ sở hạ tầng của Nam Cường đã dần hoàn thiện. Các công trình xây dựng cơ bản như điện sử dụng, hệ thống giao thông, hệ thống kênh mương, cơ sở y tế, trường học được xây dựng ngày càng kiên cố, khang trang. Điện lưới quốc gia đã được lắp đặt ở các thôn bản trong xã.

Đội ngũ cán bộ xã tuy chưa đạt chuẩn theo quy định, nhưng do có sự nỗ lực vượt bậc của từng cá nhân nên các hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội đạt hiệu quả. Cán bộ, công chức hàng năm được bổ sung và được

cử đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với lĩnh vực công tác, số cán bộ có trình độ đại học chiếm 24%.

Tuy nhiên, đến nay Nam Cường vẫn là xã thuần nông, thu nhập chính là từ trồng trọt và chăn nuôi, cơ cấu cây trồng vật nuôi tuy được quan tâm nhưng chuyển dịch còn chậm, chủ yếu là sản xuất cây lương thực lúa, ngô. Việc đầu tư khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông, lâm nghiệp hiệu quả chưa cao. Cơ sở hạ tầng đã được đầu tư bước đầu nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu cho sự phát triển.

Những thuận lợi và khó khăn về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội đã và đang tạo cho Nam Cường thời cơ và thử thách trong quá trình phát triển, nhất là trong bối cảnh cả nước tăng cường đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế đòi hỏi sự cố gắng, nỗ lực của Đảng bộ và nhân dân trong xã để đưa nền kinh tế của xã ngày càng đi lên, thúc đẩy các mặt xã hội phát triển góp phần xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.

## II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH LÀNG, XÃ VÀ TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG

### 1. Lịch sử hình thành

Theo sử cũ, từ đời nhà Trần trở về trước, địa phận huyện Chợ Đồn ngày nay là một phần đất của huyện Vĩnh Thông, thuộc phủ Thái Nguyên. Đến đời nhà Lê, huyện Vĩnh Thông được đổi thành châu Bạch Thông, thuộc phủ Thông Hóa. Năm 1884, sau khi chiếm được Thái Nguyên,

thực dân Pháp bắt đầu mở rộng cuộc xâm lược lên các huyện phía Bắc. Ngày 4-11-1900, toàn quyền Đông Dương ra nghị định tách một phần đất thuộc phủ Thông Hóa, thành lập tỉnh Bắc Kạn<sup>1</sup>. Đến năm 1911, châu Chợ Đồn mới được thành lập gồm 2 tổng: Đông Viên và Nhu Viễn. Xã Nam Cường ngày nay nằm trong tổng Nhu Viễn<sup>2</sup> và có tên là xã Nhu Viễn. Tháng 4-1945, sau khi giành chính quyền cách mạng, xã Nhu Viễn gồm 4 thôn: Bản Luộc, Bản Mới, Bản Quá, Bản Lồm. Tháng 1-1946, sau khi tiến hành tổng tuyển cử, thực hiện chủ trương của cấp trên, xã Đông Lạc và Nhu Viễn sáp nhập với nhau lấy tên là xã Lạc Long. Tháng 9-1952, xã Lạc Long lại được tách thành 2 xã Nam Cường và Đông Lạc, xã Nam Cường chính thức được thành lập.

Nam Cường vốn thuộc vùng đất từ thời xa xưa đã có người thượng cổ sinh sống<sup>3</sup>. Những dấu vết được lưu giữ trên các công trình thủy lợi như muong, phai, ao, đập... còn để lại đến ngày nay đã chứng minh xưa kia con người từng sinh sống tại đây với nghề trồng lúa nước thành thạo.

---

1. Theo Đào Duy Anh "Đất nước Việt Nam qua các đời", năm 1900 thực dân Pháp tách phủ Thông Hóa đặt thành tỉnh Bắc Kạn, gồm 5 châu (sau đổi thành huyện) là: Bạch Thông, Na Rì, Ngân Sơn, Chợ Rã và Chợ Đồn; "Giản chí Bắc Kạn" của Công sứ Matximi cũng nói rõ tỉnh Bắc Kạn được thành lập năm 1900, theo Nghị định của toàn quyền Đume ngày 14-1-1900.

2. Tổng Nhu Viễn bao gồm các xã hiện nay là: Quảng Bạch, Tân Lập, Đông Lạc, Nam Cường và Xuân Lạc.

3. Những chiếc rìu đá, những chiếc búa và gáo múc bằng đồng được các nhà khảo cổ học tìm thấy ở Xuân Lạc, Tân Lập, Bản Thi...

Trải qua bao thăng trầm, biến cố của lịch sử, nhân dân các dân tộc đã hội tụ về mảnh đất này sinh cơ lập nghiệp, khai sơn lập bản. Thế hệ sau nối tiếp truyền thống thế hệ trước, nhân dân xã Nam Cường đã luôn giữ gìn và phát huy truyền thống cha ông, chung sức, chung lòng xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.

Trên mảnh đất Nam Cường ngày nay có 5 dân tộc cùng sinh sống là: Tày, Dao, Kinh, Nùng, Mông. Trong đó, dân tộc Tày chiếm 60,39%, Dao chiếm 25,49%, Kinh chiếm 5,88%, Nùng chiếm 0,6% và Mông là 7,62%.

Trong cộng đồng dân cư, dân tộc Tày là dân tộc chiếm số đông nhất do có nguồn gốc từ người Tày cổ, họ là chủ nhân có mặt sớm và lâu đời nhất trên vùng đất này. Trong quá trình sinh sống, đồng bào vừa làm ruộng (chủ yếu trồng lúa nước), trồng màu (ngô, khoai, sắn, bầu bí...), trồng các loại hoa quả, vừa kết hợp chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi, thả cá ở ruộng, ao và làm nghề thủ công gia đình. Do sự phát triển của khoa học công nghệ, sự giao lưu kinh tế không ngừng mở mang trong vùng và giữa miền xuôi với miền ngược nên một số nghề truyền thống đã bị mai một. Nhìn chung, nền kinh tế của đồng bào Tày phong phú, đa dạng, mang tính chất tự cấp tự túc cao. Đồng bào Tày sống tập trung thành thôn bản, có bản vài nóc nhà, cũng có bản đông tới vài chục hộ. Phần đông đồng bào ở nhà sàn truyền thống, một số ít hộ, chủ yếu ở khu vực các chợ, gần huyện lỵ chuyển sang ở nhà đất (nhà gỗ, bưng ván hoặc có tường xây). Các dòng họ chính của người Tày là các họ: Nông, Hà, Đồng, Ma, Hoàng. Ít

có dòng họ nào cư trú riêng biệt tại một vùng, ngay trong một bản cũng thường có ít nhất 4-5 họ cùng cư trú. Họ sống gắn bó, đoàn kết với nhau.

Dân tộc Dao đứng thứ 2 trong dân số của xã, người Dao đến sinh sống sau dân tộc Tày. Trước đây, đồng bào chủ yếu sống du canh, du cư, từ khi thực hiện cuộc vận động định canh, định cư của Đảng và Chính phủ, được sự giúp đỡ của các cấp, các ngành trong xã, trong huyện đồng bào Dao đã từng bước ổn định đời sống. Trong nông nghiệp, đồng bào sản xuất lúa, ngô là chính, kết hợp với chăn nuôi gia súc, gia cầm. Ngoài trồng bông, dệt vải, tự túc cái mặc, nhìn chung các ngành nghề trong đồng bào Dao ít phát triển. Người Dao chủ yếu là các dòng họ Đặng, Triệu, Lý, Hoàng.

Đứng thứ 3 về dân số trong xã là dân tộc Kinh, người Kinh có mặt ở xã trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, do các cán bộ, công nhân theo các cơ quan, xưởng máy, kho tàng của Trung ương chuyển lên. Ngoài ra, còn có một số đồng bào tản cư từ dưới xuôi lên theo chủ trương của Đảng và Chính phủ trong những năm 1960-1961 để tham gia phát triển kinh tế, văn hóa ở miền núi và một số người dưới xuôi lên làm công nhân, bộ đội ở lại làm dâu, làm rể lấy người Tày và người Dao. Hoạt động kinh tế của đồng bào Kinh bao gồm nhiều lĩnh vực: dịch vụ, sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

Dân tộc Mông từ Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng di cư tự do đến các xã Bình Trung, Lương Bằng, Nghĩa Tá của huyện Chợ Đồn vào khoảng năm 1998-1999. Đến

năm 2000, Đảng và Nhà nước vận động người Mông đến định cư ở thôn Lũng Noong (Nam Cường), có số dân đứng thứ ba dân số của xã. Họ sống rải rác, làm nông nghiệp. Lương thực chủ yếu của họ là ngô. Vì thế, đồ bột ngô ăn thay cơm gạo là tập quán của người Mông, đồng bào gọi là mèn mèn.

Dân tộc Nùng chiếm một bộ phận nhỏ dân cư của xã, sống xen cư với các dân tộc khác, nghề chủ yếu là sản xuất nông nghiệp.

## **2. Truyền thống lịch sử, văn hóa**

*Truyền thống cần cù lao động, sáng tạo:* Các dân tộc trong xã luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái giúp đỡ nhau về mọi mặt. Đồng bào các dân tộc có truyền thống cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất, xây dựng đời sống.

So với các địa phương khác của huyện, điều kiện thiên nhiên Nam Cường có phần khắc nghiệt hơn với các trận lũ lụt, sương muối, mưa đá... xảy ra hàng năm, làm thiệt hại nghiêm trọng đến mùa màng, tài sản, tính mạng của nhân dân. Tuy nhiên, trải qua bao thế hệ nối tiếp nhau, nhân dân các dân tộc trong xã đã chung lưng đấu cật, chống chọi với thiên tai, vượt qua khó khăn trở ngại, giữ vững và phát triển sản xuất, duy trì cuộc sống.

Cùng với trồng lúa nước, nhân dân các dân tộc xã Nam Cường còn trồng ngô, khoai, sắn và các loại cây thực phẩm khác như rau, đậu...; chăn nuôi gia súc, gia cầm; khai thác và chế biến lâm sản góp phần tăng thêm thu nhập cho bà con nhân dân trong xã.

Với đức tính cần cù, chịu khó, thông minh, sáng tạo, từ thời xa xưa, đồng bào các dân tộc đã xây dựng nên những công trình thủy lợi để dẫn nước vào đồng ruộng. Đó là hệ thống phai đập, mương máng, những chiếc guồng đặt trên các khe lạch... Cũng như người Kinh ở miền xuôi, kỹ thuật canh tác và nông cụ của đồng bào các dân tộc ở đây tương đối cao và khá hoàn chỉnh. Từ lâu, người nông dân các dân tộc đã biết dùng phân bón; biết chế tạo những công cụ thích hợp như cày, cuốc, liềm hái phục vụ cho sản xuất và các loại súng, nỏ để săn bắn thú rừng.

Bên cạnh nghề trồng trọt và chăn nuôi, đồng bào các dân tộc còn rất khéo tay trong nghề thủ công đan lát. Cả nam và nữ đều biết đan và đan đồ dùng các loại như: cót, đậu, bồ, rổ rá, vung chảo, nom, đó... Phụ nữ rất giỏi nghề trồng bông, kéo sợi, dệt vải, thỏ cẩm, thêu thùa, may vá. Đàn ông sử dụng các loại vũ khí cầm tay và các loại chài lưới dùng để săn bắt và đánh cá.

Cùng với sự phát triển sản xuất, hoạt động thương mại cũng ngày càng mở rộng. Những phiên chợ vùng cao, không những có vai trò quan trọng trong việc trao đổi hàng hóa tiêu dùng, mà còn là nơi giao lưu văn hóa tình cảm giữa các dân tộc. Người dân ở đây đều coi phiên chợ như một ngày hội, bởi vậy, họ đi chợ với những bộ quần áo đẹp nhất.

Từ khi di cư đến khai sơn lập bản sinh sống, bằng bàn tay lao động và khối óc sáng tạo, nhân dân các dân tộc xã Nam Cường đã dựa vào thuận lợi của điều kiện tự nhiên, khắc phục khó khăn, cùng đoàn kết xây dựng thôn

làng. Đó chính là nét đẹp được người dân nơi đây hun đúc thành truyền thống đoàn kết, lao động cần cù, thông minh và sáng tạo.

*Truyền thống văn hóa:* Trong quá trình lao động sản xuất và đấu tranh chế ngự thiên nhiên, nhân dân các dân tộc Nam Cường không ngừng gìn giữ và sáng tạo một nền văn hóa tinh thần phong phú, đa dạng.

Dân tộc nào cũng có một kho tàng văn hóa dân gian phong phú: thơ ca, tục ngữ, thành ngữ... ca ngợi vẻ đẹp quê hương, đất nước, ca ngợi cái hay, cái đẹp, phê phán cái xấu, răn dạy lẽ sống làm người, truyền lại kinh nghiệm sản xuất.

Về thơ ca, trước đây một số người Tày biết hát loàn (như hát lượn) trong lễ hội lồng tồng (xuống đồng). Ngày nay, trong đồng bào Tày, Nùng còn lưu truyền khá phổ biến các bài ca cúng bái của: pụt, tào, then dùng trong các lễ kỳ yên<sup>1</sup>, trong ma chay có các thể loại thơ ca nghi lễ như mại xe, văn tế, văn than. Trong nhân dân, có thơ đám cưới (thơ lầu) với những vần thơ văn hoa, ý nhị; thơ ca sinh hoạt có các điệu sli, lượn, phong sli, phuổi pác (nói miệng), câu đố, hát đồng dao của trẻ em và hát ru em.

Mặc dù không có văn học thành văn thời cổ đại, nhưng bù lại, nhân dân các dân tộc có một kho tàng truyện cổ tích hết sức phong phú. Tiêu biểu trong các truyện cổ tích của đồng bào Tày là truyện Pú Lương Quân, Tài Ngào, Da Dừn, Da Piến, Ý Pịa, Tua Tềng, Tua Nhì... Người

---

1. Lễ cầu cho sự bình an.

Dao có truyện Bàn Hồ hay còn gọi là Bàn Vương. Truyện cổ tích của đồng bào các dân tộc phản ánh quá trình lịch sử tộc người, sinh hoạt, sản xuất xã hội của các dân tộc, được lưu truyền đến ngày nay, có giá trị sâu sắc về lịch sử và văn hóa.

Các dân tộc đều có những sinh hoạt văn hóa cộng đồng phong phú, đa dạng đậm đà bản sắc dân tộc, được thể hiện trong các dịp tết, lễ hội, đám cưới, chợ phiên... Người Dao có hát páo dung, người Mông có múa khèn, người Nùng hát sli, người Tày phễu pác (còn gọi là hát ví hay rọi), hát lượn. Hát lượn cọi của người Tày được các nhà nghiên cứu văn hóa đánh giá là “viên ngọc quý” trong kho tàng văn học dân gian.

Trước đây, đồng bào Tày, Nùng và các dân tộc ít người khác sinh sống ở Nam Cường không có chữ viết riêng của dân tộc mình. Năm 1960, được sự giúp đỡ của Nhà nước, đồng bào Tày, Nùng có chữ viết của mình (chữ Tày - Nùng) trên cơ sở chữ Quốc ngữ, bằng các con chữ La tinh tương đối hoàn chỉnh. Sự kết hợp chữ Quốc ngữ và chữ Tày - Nùng đã góp phần nâng cao sự hiểu biết và sinh hoạt văn hóa trong nhân dân.

Đồng bào Tày, Nùng còn có lễ hội lồng tồng (xuống đồng) vào dịp đầu xuân với ý nghĩa cầu mùa, là hình thức sinh hoạt văn hóa độc đáo, cổ kết cộng đồng bền chặt, xuyên suốt trong xã hội truyền thống của đồng bào.

Những giá trị văn hóa được sản sinh trong quá trình lao động, xây dựng cuộc sống của đồng bào các dân tộc đã góp phần quan trọng làm phong phú nền văn hóa dân

tộc Việt Nam. Đó còn là một trong những nhân tố làm nảy sinh truyền thống tốt đẹp: đoàn kết, đấu tranh dựng nước và giữ nước của đồng bào trong tiến trình phát triển của lịch sử.

*Truyền thống yêu nước:* Là một xã thuộc huyện Chợ Đồn - một trong những địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng về quân sự, chính trị. Từ xưa, mảnh đất này đã trở thành nơi tranh giành, cướp bóc của các thế lực phong kiến, trong và ngoài nước. Nhân dân trong vùng luôn phải vùng lên đấu tranh chống lại để bảo vệ tính mạng, tài sản và sự bình yên của thôn, bản.

Ngay từ đầu thế kỷ XVI, cuộc chiến tranh giữa chúa Trịnh với nhà Mạc đã gây bao đau thương cho đồng bào các dân tộc. Đến gần cuối thế kỷ XIX, năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta và nhanh chóng cho quân đánh chiếm các tỉnh trung du miền núi phía Bắc trong đó có tỉnh Bắc Kạn. Không cam tâm làm nô lệ, đồng bào các dân tộc Nam Cường đã nhiều lần nổi dậy chống lại ách áp bức, bóc lột của thực dân Pháp, cùng các xã lân cận tích cực hưởng ứng và tham gia vào cuộc khởi nghĩa do Nông Văn Vân lãnh đạo. Các cuộc đấu tranh mặc dù đều thất bại, bị thực dân Pháp và bọn tay sai đàn áp dã man, song ý chí và tinh thần của đồng bào các dân tộc đã góp phần nung nấu thêm truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Đồng thời cũng là nền tảng, là tiền đề để nhân dân Nam Cường tiếp tục chiến đấu đánh đuổi thực dân Pháp, góp phần vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Nhân dân Nam Cường rất tự hào về truyền thống yêu nước, tinh thần dũng cảm trong chiến đấu, vì độc lập, tự do của dân tộc. Truyền thống đó càng được phát huy trong giai đoạn hiện nay, giai đoạn Nam Cường cùng với cả nước vững bước đi trên con đường đổi mới và hội nhập.

## *Chương II*

### **NHÂN DÂN NAM CƯỜNG THAM GIA CUỘC VẬN ĐỘNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC (1930-1945) VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG (1946-1954)**

#### **I. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NAM CƯỜNG DƯỚI ÁCH THỐNG TRỊ CỦA THỰC DÂN, PHONG KIẾN**

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng tấn công bán đảo Sơn Trà - Đà Nẵng, chính thức mở màn cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Ngay từ khi đặt chân lên đất nước ta chúng đã vấp phải sự kháng cự quyết liệt của mọi tầng lớp nhân dân yêu nước như các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần Vương, phong trào nông dân Yên Thế, với các tấm gương tiêu biểu như Hoàng Diệu, Nguyễn Tri Phương... Trong khi nhân dân cả nước đang sục sôi chống giặc thì triều đình phong kiến nhà Nguyễn lại nhượng bộ, từng bước cắt đất dâng nước ta cho Pháp, thái độ này được thể hiện rõ qua các bản Hiệp ước: Nhâm Tuất (năm 1862), Giáp Tuất (năm 1874) và Hiệp ước Hác măng (năm 1883), Patonốt (năm 1884). Đến cuối thế kỷ XIX, về cơ bản thực dân Pháp đã hoàn thành xong công cuộc xâm lược và bình định nước ta, biến Việt Nam thành một phần của “Đông Dương thuộc Pháp”. Từ một quốc gia độc lập,

Việt Nam bị xóa tên trên bản đồ thế giới, từ một dân tộc tự do, nhân dân ta trở thành nô lệ của thực dân Pháp. Nhân dân Nam Cường cũng nằm trong hoàn cảnh chung của cả dân tộc, phải mang trên mình nỗi đau mất nước, nỗi cơ cực của người dân mất tự do.

Sau khi đánh chiếm Thái Nguyên (năm 1884), thực dân Pháp mở rộng chiếm đánh các huyện miền núi của tỉnh Thái Nguyên. Năm 1895, một đạo quân Pháp tiến lên vùng thượng lưu sông Cầu đánh chiếm các vùng rẻo cao của phủ Thông Hóa, trong đó có phần đất của xã Nam Cường, huyện Chợ Đồn ngày nay. Từ đây, nhân dân các dân tộc trong huyện phải chịu ách áp bức bóc lột hết sức nặng nề và thâm độc của thực dân Pháp.

Về chính trị - quân sự: Sau khi hoàn thành việc chiếm đóng đất đai, thực dân Pháp nhanh chóng thiết lập bộ máy cai trị, đàn áp ở các địa phương hòng dập tắt phong trào đấu tranh của nhân dân. Ngay trong quá trình tổ chức các cuộc hành quân, chúng đã xây dựng rất nhiều đồn bốt, điểm canh ở nhiều nơi. Chúng thi hành đường lối cai trị rất chặt chẽ theo chế độ quân quản, tức là sử dụng chính quyền bản xứ để cai trị về mặt hành chính, chúng còn dùng các chỉ huy đồn binh (người Pháp) để cai trị về mặt quân sự.

Huyện Chợ Đồn sau khi đặt thành một đơn vị hành chính cấp châu, thực dân Pháp dựng lên một chính quyền tay sai người bản xứ. Đứng đầu là tri châu, cai quản toàn châu về mọi mặt, dưới châu là chánh tổng. Năm 1911, châu Chợ Đồn gồm có 2 tổng: Đông Viên và Nhu Viễn,

đến năm 1914 có thêm tổng Nghĩa Tá<sup>1</sup>. Dưới đó, ở các xã là một hội đồng kỳ mục có 3 đến 5 người, gồm có lý trưởng, phó lý và thủ bạ. Chúng ra sức mua chuộc những người đứng đầu các dòng họ lớn nắm giữ các chức vụ trong chính quyền tay sai.

Với chính sách chia để trị, thực dân Pháp còn đặt một hệ thống chính quyền riêng của người Dao. Ở cấp châu có chức quản chiêu và phó quản chiêu, cấp tổng có chức chánh mán, ở xã có chức động trưởng. Bọn thực dân ra sức tuyên truyền cho bộ máy này, coi như là quyền tự trị của các dân tộc. Thực chất đó chỉ là thủ đoạn lừa bịp nhằm khơi sâu mâu thuẫn giữa các dân tộc để dễ bề cai trị.

Về kinh tế, nhân dân Nam Cường thời gian này chủ yếu sống bằng nông nghiệp mang nặng tính tự cấp, tự túc nhưng ruộng đất lại tập trung chủ yếu trong tay giai cấp thống trị, đại đa số nông dân lao động chỉ có rất ít ruộng đất. Ngoài hình thức bóc lột bằng hình thức tô tức, thực dân Pháp còn đặt ra nhiều thứ thuế vô lý như thuế thân, thuế điền, thuế rượu, thuế thóc ngựa... Đối với đồng bào người Dao chủ yếu làm nương rẫy để sinh sống, thực dân Pháp tính theo đầu người hoặc số lượng thóc giống để đóng thuế. Mức thuế nông nghiệp không ngừng tăng lên. Riêng thuế thân là thứ thuế vô nhân đạo nhất, trực tiếp đánh vào người đàn ông từ 18-60 tuổi. Ngoài ra, chúng còn đặt thêm thuế đình, thuế điền cùng với các loại phụ

---

1. Tổng Nghĩa Tá vốn thuộc vùng đất Thái Nguyên, được nhập vào châu Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn, ngày nay bao gồm các xã: Lương Bằng, Nghĩa Tá, Bình Trung, Phong Luân, Yên Nhuận và Yên Mỹ.

thu, lạm bỏ khác. Ở Nam Cường vào mùa thu thuế, địch điều động lính cơ, lính lệ tới từng làng, nếu ai không đóng đủ các loại thuế thì chúng bắt trói lại. Từ năm 1920-1930, số thuế địch thu tăng 2 lần so với quy định, riêng thuế thân tăng hơn 2 lần. Tình hình đó đã dồn đẩy nhân dân các dân tộc Nam Cường vào cuộc sống cơ cực, nạn đói ăn và thiếu ăn là hiện tượng phổ biến trong các gia đình.

Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, sản xuất, kinh tế lạc hậu, đời sống nhân dân hết sức khó khăn, trong khi đó nhân dân ta phải gánh chịu sưu cao, thuế nặng. Không chỉ bòn rút nhân dân ta về thuế khóa và các sản phẩm nông nghiệp, thực dân Pháp còn ra sức khai thác tài nguyên rừng, đặc biệt là khai thác khoáng sản. Chúng lập công ty khai khoáng và luyện kim Đông Dương, tuyền mộ công nhân, ra sức bóc lột, đối xử tàn nhẫn khiến cho đời sống công nhân vô cùng khổ cực.

Về văn hóa, thực dân Pháp triệt để thực hiện chính sách ngu dân để dễ bề cai trị. Trường học là để dành riêng cho con cái nhà giàu nhằm đào tạo một số người làm tay sai cho chúng. Chính vì vậy, tuyệt đại đa số con em các dân tộc trong xã bị mù chữ, có nơi 100% dân số mù chữ.

Thâm độc hơn, trong khi thực hiện chính sách ngu dân, thực dân Pháp tăng cường đầu độc nhân dân ta bằng rượu cồn và thuốc phiện. Đặc biệt, chính sách độc quyền quản lý muối của chúng rất nham hiểm. Chúng lấy muối làm điều kiện ràng buộc, khống chế nhân dân, làm phần thưởng cho bọn tay sai đánh phá phong trào cách mạng. Bên cạnh đó, chúng còn duy trì và ra sức khuyến khích các

tệ nạn xã hội khác như mê tín dị đoan, cờ bạc, mại dâm...  
hồng phá hoại thuần phong mỹ tục của đồng bào ta.

Do đời sống thấp kém và điều kiện ăn ở mất vệ sinh nên ốm đau bệnh tật thường xuyên đe dọa tính mạng con người. Trong khi đó, chính quyền thực dân phong kiến lại không quan tâm xây dựng các cơ sở y tế, toàn huyện Chợ Đồn không có một cơ sở y tế nào. Mỗi khi ốm đau, đồng bào phải tự tìm đến các thầy lang, thầy cúng để bái cầu cho khỏi bệnh. Tình trạng hữu sinh vô dưỡng là hiện tượng phổ biến.

Tất cả những âm mưu, thủ đoạn, chính sách thống trị về quân sự, kinh tế, chính trị, văn hóa của thực dân, phong kiến đã khiến cho đời sống của nhân dân các dân tộc trong xã cũng như trong châu Chợ Đồn ngày càng cùng cực, đói khổ và lạc hậu.

Không chịu khuất phục trước sự thống trị và những chính sách đàn áp, bóc lột thậm tệ của địch, nhân dân các dân tộc xã Nam Cường cùng nhân dân các xã trong châu Chợ Đồn nói chung luôn sát cánh cùng nhau nổi dậy đấu tranh chống quân xâm lược.

## II. NHÂN DÂN NAM CƯỜNG THAM GIA CUỘC VẬN ĐỘNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)

Mùa xuân năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã đánh dấu bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng nước ta. Từ khi ra đời, Đảng đã tập hợp và phát động đông đảo quần chúng nhân dân đứng lên đấu tranh. Nổi bật là

phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh (1930-1931) và phong trào dân chủ (1936-1939). Tiếp đến là phong trào cách mạng và hoạt động của tổ chức Đảng ở Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên phát triển khá mạnh đã có ảnh hưởng và tác động rất lớn đến nhân dân các dân tộc huyện Chợ Đồn trong đó có đồng bào các dân tộc Nam Cường.

Từ năm 1939 trở đi, tình hình thế giới và trong nước ta có nhiều biến động. Tháng 9-1939, chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Ngày 22-9-1940, quân Nhật ở Trung Quốc tiến quân qua biên giới Việt - Trung xuống đánh chiếm Lạng Sơn. Ngày 27-9-1940, cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, thuộc tỉnh Lạng Sơn bùng nổ. Tiếp đó, đến ngày 28-1-1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam. Tháng 5-1941, tại Pác Bó, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, Người triệu tập và chủ trì Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8. Hội nghị ra Nghị quyết và chỉ rõ đường lối đấu tranh của cách mạng Việt Nam là đặt vấn đề giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Để tập hợp động viên tinh thần cách mạng của toàn thể dân tộc Việt Nam, Hội nghị Trung ương lần thứ 8 đã quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh) thay cho Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương. Thời gian này, khi xem xét các điều kiện để xây dựng căn cứ địa cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá cao vị trí Cao Bằng, đồng thời Người cũng nhận thấy: “Từ Cao Bằng còn phải phát triển về Thái Nguyên và thông xuống nữa mới có thể tiếp xúc với toàn quốc được... Có nổi phong trào được với Thái Nguyên và

toàn quốc thì khi phát động đấu tranh vũ trang thuận lợi có thể tiến công, lúc khó khăn có thể giữ”<sup>1</sup>.

Đề tiến về Thái Nguyên và nối liền với phong trào cách mạng cả nước, các huyện vùng cao của tỉnh Bắc Kạn trong đó có Chợ Đồn nằm trong tầm nhìn chiến lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng và phát triển lực lượng. Từ năm 1942, phong trào cách mạng tại các châu, huyện của tỉnh Bắc Kạn bắt đầu có những chuyển biến mau lẹ. Thực hiện chỉ thị của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, công tác Nam tiến được chuẩn bị khẩn trương. Từ năm 1943 đến năm 1944, trên căn cứ địa Cao Bằng do đồng chí Võ Nguyên Giáp phụ trách đã thành lập được 19 đội xung phong Nam tiến. Từ Nguyên Bình (Cao Bằng), các đội Nam tiến lần lượt tiến xuống Ngân Sơn, Ba Bể (Bắc Kạn) để từ đó tỏa đi các huyện trong tỉnh, làm nhiệm vụ tuyên truyền, vận động nhân dân các dân tộc vào các đoàn thể cứu quốc của Mặt trận Việt Minh.

Đội xung phong Nam tiến mang tên Trần Phú do đồng chí Nông Văn Quang phụ trách đi vào phía Đông huyện Chợ Đồn, dựa vào phong tục, tập quán của đồng bào Dao đã xây dựng được cơ sở cách mạng đầu tiên ở xóm Lùng Tăng (xã Tân Lập). Dọc theo các triền núi cao, qua các vùng cư trú của đồng bào Dao, cán bộ Nam tiến đã xây dựng thành công nhiều cơ sở cách mạng ở các xã trong huyện trong đó có xã Nhu Viễn. Theo mối quan hệ

---

1. Võ Nguyên Giáp: *Từ nhân dân mà ra, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1969, tr. 34.*

họ hàng và bè bạn, cơ sở cách mạng trong đồng bào Dao nhanh chóng phát triển thành một hệ thống liên hoàn trên hầu khắp các vùng núi rừng Cao - Bắc - Lạng. Khắp các địa phương đều có các hội cứu quốc của Mặt trận Việt Minh. Mọi người dân từ già, trẻ, gái, trai đều hăng hái gia nhập Mặt trận Việt Minh.

Cũng trong thời gian trên, một bộ phận khác của lực lượng Nam tiến đã xây dựng được nhiều cơ sở cách mạng trong đồng bào Tày - Nùng ở vùng thấp. Đến tháng 9-1943, hầu hết đồng bào Dao ở hai tổng Nghĩa Tá và Đông Viên đã gia nhập Hội Cứu quốc. Tháng 10-1943, các mũi Nam tiến (từ Cao Bằng xuống) và Bắc tiến (từ Thái Nguyên lên) gặp nhau ở Nghĩa Tá, “con đường quân chúng” - con đường liên lạc giữa hai khu căn cứ địa cách mạng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc vạch ra được nối liền. Từ đó, phong trào cách mạng ở huyện Chợ Đồn đã tạo được thế vững chắc, cùng một lúc được tiếp nhận ảnh hưởng trực tiếp của các trung tâm căn cứ cách mạng nên phong trào cách mạng ở địa phương phát triển nhanh chóng.

Trên cơ sở lực lượng chính trị phát triển, các đội tự vệ cứu quốc cũng được thành lập, công tác huấn luyện cán bộ Việt Minh, tự vệ cứu quốc được triển khai sâu rộng. Tại các xã, các đội tự vệ lần lượt ra đời, có nhiệm vụ bảo vệ cơ sở cách mạng và giữ gìn trật tự trị an ở địa phương. Từ trong các Hội Cứu quốc, những người hăng hái, khỏe mạnh được tuyển chọn vào các đội tự vệ. Dù trang bị vũ khí thô sơ, nhưng đây là đội quân cách mạng đầu tiên của nhân dân. Những đội vũ trang ấy ra đời từ phong

trào đấu tranh của quần chúng nhân dân, được nhân dân hết lòng cru mang, che chở. Nhân dân các dân tộc trong xã Nhu Viễn cũng như các xã khác trong huyện hăng hái thi đua đóng góp gạo, tiền để nuôi quân và mua sắm vũ khí. Nhờ đó, đội tự vệ trong xã nhanh chóng trưởng thành về mọi mặt.

Cơ sở cách mạng ngày càng lan rộng trong quần chúng, phong trào cách mạng lên cao lại càng đòi hỏi phải nâng cao trình độ và năng lực lãnh đạo của đội ngũ cán bộ địa phương. Để đáp ứng yêu cầu đó, một lớp tập huấn chính trị và quân sự đầu tiên được tổ chức tại Bó Lợn (Nà Đàng, xã Nghĩa Tá). Học viên là những cán bộ nòng cốt ở các xã, sau khi được huấn luyện, các học viên trở về xã để huấn luyện tại địa phương mình, xã Nhu Viễn bây giờ có đồng chí Đàm Văn Tường được cử đi học.

Cuối năm 1943, lo sợ sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng ở Bắc Kạn, thực dân Pháp huy động hàng trăm quân lính cùng với bộ máy tay sai cơ sở mở cuộc càn quét, khủng bố, đàn áp dã man phong trào cách mạng trên khắp địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Thủ đoạn của chúng là vừa đàn áp, bắn giết, vừa mua chuộc, dụ dỗ, lừa phỉnh, chia rẽ đồng bào các dân tộc, chia rẽ đồng bào với cán bộ Việt Minh, chúng đốt nhà, cướp của, dồn dân vào các làng và các khu tập trung để dễ bề kiểm soát và ngăn chặn mọi hoạt động của cán bộ Việt Minh đồng thời cắt nguồn tiếp tế của đồng bào với số cán bộ và đồng bào đang ẩn náu ở trong rừng. Chúng dùng thủ đoạn “tát nước, bắt cá”, buộc đồng bào Dao sống du canh du cư cũng bị

dồn xuống những khu vực quy định, chịu sự kiểm soát gắt gao của chính quyền thực dân.

Cuộc khủng bố của kẻ thù đã đặt phong trào cách mạng xã Nhu Viễn cũng như trong toàn huyện Chợ Đồn đứng trước những thử thách nghiêm trọng. Mặc dù vậy, bất chấp sự khủng bố điên cuồng của kẻ thù, nhân dân các dân tộc vẫn hết lòng bảo vệ, che chở cán bộ. Khẩu hiệu “Bốn không”<sup>1</sup> được thực hiện triệt để. Nhờ vậy, các cơ sở cách mạng vẫn được giữ vững.

Vào đầu năm 1944, tình hình cuộc chiến tranh thế giới thứ hai đang có nhiều biến động lớn, Hồng quân Liên Xô cùng các lực lượng Đồng minh liên tiếp giành được nhiều thắng lợi và đang trên đà phản công. Ở nước ta, phong trào cách mạng đã lan rộng ra khắp cả nước. Trước những thời cơ hết sức thuận lợi đó, ngày 7-5-1944, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị sửa soạn khởi nghĩa. Chỉ thị nhấn mạnh: “Thời cơ không phải tự nó đến, một phần do ta sửa soạn nó, thúc đẩy nó...”. Tiếp đó, ngày 10-8-1944, Trung ương Đảng ra lời kêu gọi: “Sắm vũ khí đuổi thù chung”.

Thực hiện chỉ thị của Tổng bộ Việt Minh và lời kêu gọi của Trung ương Đảng, trong tháng 8-1944, Hội nghị đại biểu Việt Minh toàn châu Chợ Đồn (tại Bản Bàng, xã Nghĩa Tá) đã quyết định: Thành lập một trung đội tự vệ chiến đấu toàn châu, tự trang bị vũ khí và lương khô;

---

1. “Bốn không” gồm: không biết, không nghe, không thấy, không đầu hàng đầu thú.

thành lập một kho lương thực và tổ chức lạc quyên lấy tiền làm quỹ du kích; vận động nhân dân các xã làm kho thóc bí mật, có phương án bảo vệ nhân dân và chống khủng bố đạt hiệu quả cao nhất.

Từ quyết tâm và chủ trương của Hội nghị, đồng thời được sự chỉ đạo, lãnh đạo trực tiếp của Ban cán sự Đảng và Tỉnh bộ Việt Minh Bắc Kạn, tháng 10-1944 tại Bó Lợn (Lương Bằng), trung đội tự vệ chiến đấu đầu tiên của châu được thành lập. Ngay sau khi thành lập, trung đội tự vệ chiến đấu bước vào đợt huấn luyện trong 20 ngày. Các đội viên tự sắm vũ khí trang bị, chủ yếu là súng kíp.

Cùng với việc đẩy mạnh công tác củng cố, xây dựng và phát triển các đội tự vệ vũ trang, công tác bảo đảm hậu cần, kỹ thuật cũng được tổ chức Việt Minh quan tâm chăm lo, tổ chức và xây dựng. Đồng bào các dân tộc trong xã cùng lực lượng tự vệ đã tích cực đào hầm bí mật, sử dụng các hang đá, tích lũy lương thực, thực phẩm, hàng chục các “Kho thóc khởi nghĩa”, “Kho tự vệ trong rừng”... được xây dựng cất giấu bí mật. Quân chúng cách mạng đã sẵn sàng vùng dậy khởi nghĩa.

Đầu năm 1945, tình hình cuộc chiến tranh thế giới thứ hai chuyển biến có lợi cho quân Đồng minh. Đêm ngày 9-3-1945 Nhật đảo chính hất cẳng Pháp ở Đông Dương, quân Pháp chống cự yếu ớt, sau đó nhanh chóng đầu hàng quân Nhật. Hành động của Nhật đã gây ra cuộc khủng hoảng sâu sắc về mọi mặt giữa Nhật và Pháp nhưng lại tạo điều kiện hết sức thuận lợi cho phong trào cách mạng của

nhân dân ta phát triển mạnh mẽ ở khắp đất nước, trong đó có tỉnh Bắc Kạn.

Sau khi Nhật đảo chính Pháp, nhận thấy thời cơ thuận lợi, ngày 12-3-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”. Tại Cao - Bắc - Lạng, mặc dù chưa nhận được chỉ thị của Trung ương Đảng, nhưng thấy thời cơ rất có lợi, ngày 10-3-1945, Ban Thường vụ Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng họp, quyết định huy động mọi lực lượng nổi dậy khởi nghĩa.

Những thắng lợi dồn dập và to lớn của Ngân Sơn, Chợ Rã ở phía Bắc và Định Hóa ở phía Nam tác động mạnh mẽ đến nhân dân các dân tộc Chợ Đồn. Ngay trong đêm 28-3-1945, trung đội tự vệ chiến đấu huyện dưới sự chỉ huy của trung đội trưởng Vũ Yến tiến đánh đồn Tông Quận. Quân địch chống cự yếu ớt, sáng ngày 29-3-1945, quân ta chiếm được đồn và làm chủ khu mỏ. Cùng lúc đó, tại châu lỵ Chợ Đồn, đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân do đồng chí Hoàng Văn Thái chỉ huy và lực lượng tự vệ châu Chợ Đồn đã buộc quân địch phải đầu hàng cách mạng. Toàn bộ châu lỵ Chợ Đồn được giải phóng.

Trong khi đó, tại các xã nhân dân các dân tộc cũng nổi dậy, cùng với lực lượng tự vệ trên địa bàn xã đã phối hợp tiến hành tịch thu bằng, triện của chức dịch ở địa phương, xóa bỏ chính quyền địch và thành lập chính quyền cách mạng. Tại xã Nhu Viễn, sau khi đánh đổ chính quyền địch (30-3-1945), chính quyền cách mạng lâm thời ra đời do ông Mã Văn Lưu làm Chủ tịch kiêm Chủ nhiệm Việt

Minh, ông Ma Văn Cuồng làm Phó Chủ tịch, ông Đồng Phúc Tử và ông Ma Văn Lưu, Ma Văn Tài làm Ủy viên. Tháng 4-1945, sau khi thành lập chính quyền, xã vẫn lấy tên là Nhu Viễn, bao gồm 4 thôn: Bản Luộc, Bản Mới, Bản Quá, Bản Lôm. Ông Nông Văn Tuyên làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Sau đó, xã thành lập một trung đội dân quân xã Nhu Viễn do ông Chu Văn Mạc làm trung đội trưởng, ông Mê Văn Vượng làm Trung đội phó, ông Hoàng Văn Lương làm Chính trị viên. Sự ra đời của chính quyền cách mạng mới đánh dấu một bước ngoặt trong đời sống của nhân dân các dân tộc trong xã. Các dân tộc thoát khỏi kiếp sống nô lệ và trở thành người làm chủ xã hội, làm chủ vận mệnh của mình.

Trong niềm vui được sống cuộc đời độc lập, tự do, nhân dân các dân tộc trong xã càng quyết tâm đi theo Đảng làm cách mạng, trước mắt là ra sức kháng chiến chống phát xít Nhật, nhằm bảo vệ chính quyền cách mạng.

Vừa mới ra đời, chính quyền cách mạng đã phải đứng trước nhiều khó khăn, bọn phản động nổi dậy chống phá khắp nơi. Lợi dụng chính sách ưu đãi của Đảng đối với người Hoa, một số phần tử phản động trong người Hoa đã có những hoạt động gây rối, chống phá cách mạng. Chúng phân công nhau đến các bản làng xã Nhu Viễn để tuyên truyền phản cách mạng, kết nạp thêm hội viên, tranh giành quần chúng với chính quyền địa phương. Trong khi đó, phát xít Nhật cũng ráo riết hoạt động cấu kết với bọn Việt gian để mở rộng phạm vi chiếm đóng nhằm xóa bỏ vùng giải phóng của ta. Tuy nhiên, với

quyết tâm bảo vệ chính quyền cách mạng, mọi âm mưu và thủ đoạn của quân địch đều bị ta đập tan. Sau thắng lợi ở Bản Pè của quân ta, phát xít Nhật phải từ bỏ tham vọng lấn chiếm vùng giải phóng ở phía Tây của tỉnh.

Giữa lúc cuộc kháng chiến chống Nhật của nhân dân xã Nhu Viễn cũng như trong toàn huyện Chợ Đồn đang giành được thắng lợi, thì cao trào cách mạng đã lan rộng khắp toàn quốc. Các cuộc khởi nghĩa từng phần nổ ra và thắng lợi ở nhiều vùng nông thôn. Ngày 23-8-1945, toàn bộ quân Nhật rút khỏi thị xã Bắc Kạn. Tỉnh Bắc Kạn hoàn toàn sạch bóng quân xâm lược sau gần 60 năm dưới ách thống trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật.

Khởi nghĩa giành chính quyền Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Bắc Kạn diễn ra nhanh chóng và hoàn toàn giành thắng lợi, trong đó có sự đóng góp xứng đáng của nhân dân xã Nhu Viễn. Thắng lợi đó đánh dấu sự trưởng thành và lớn mạnh của phong trào cách mạng trong xã cũng như trong huyện. Mặc dù chưa có cơ sở Đảng ở địa phương, nhưng với truyền thống yêu nước và lòng căm thù quân xâm lược, ngay từ buổi đầu khi có cán bộ của Đảng về tuyên truyền, giác ngộ, nhân dân các dân tộc trong xã đã một lòng đi theo cách mạng. Trong quá trình đó, đồng bào các dân tộc trong xã đã vượt qua mọi khó khăn, nguy hiểm, bất chấp sự khủng bố, đàn áp dã man của kẻ thù, hết lòng bảo vệ cán bộ, bảo vệ cách mạng.

Nhân dân các dân tộc Nhu Viễn cùng với nhân dân cả nước đã đập tan xiềng xích gần một trăm năm nô lệ của thực dân Pháp và lật nhào chế độ phong kiến có từ hàng

nghìn năm trên đất nước ta, lập nên chính quyền dân chủ nhân dân, mở ra một thời kỳ mới trên chặng đường đấu tranh giành độc lập, tự do và ấm no, hạnh phúc. Sau 15 năm anh dũng đấu tranh, nhân dân Nhu Viễn dưới sự lãnh đạo của Đảng đã thoát khỏi kiếp nô lệ lầm than. Lịch sử cách mạng dân tộc Việt Nam cũng như nhân dân các dân tộc xã Nhu Viễn (Nam Cường ngày nay) bước sang một thời kỳ mới - thời kỳ củng cố, bảo vệ những thành quả của cách mạng và xây dựng quê hương đất nước.

### III. TÍCH CỰC THAM GIA XÂY DỰNG, BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG (1945-1946) VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP THẮNG LỢI (1946-1954)

#### 1. Củng cố và bảo vệ chính quyền cách mạng

Cách mạng Tháng Tám thành công đã mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Ngày 2-9-1945, tại quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản “Tuyên ngôn độc lập” tuyên bố trước quốc dân đồng bào và toàn thế giới sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tuy vậy, ngay sau ngày cách mạng thành công, chính quyền cách mạng mới ra đời đã phải đương đầu với muôn vàn khó khăn, thử thách. Cùng với “giặc đói”, “giặc dốt” là “giặc ngoại xâm”... trực tiếp đe dọa sự tồn tại của Nhà nước cộng hòa non trẻ.

Phía Bắc, quân Tưởng Giới Thạch lấy danh nghĩa quân Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật đã đem 20 vạn

quân tràn vào nước ta, chiếm đóng một số vị trí quan trọng ở các tỉnh ly. Ở miền Nam, tình hình còn nghiêm trọng hơn. Ngoài việc lấy danh nghĩa Đồng minh vào giải giáp quân Nhật từ vĩ tuyến 16 trở vào, quân đội Anh còn giúp cho thực dân Pháp quay lại xâm lược nước ta lần thứ hai. Ngoài lực lượng quân Tưởng, Anh, Pháp, Nhật; ở trong nước, bọn phản động Việt Quốc, Việt Cách cũng đang chờ thời cơ để lật đổ chính quyền cách mạng non trẻ.

Trong khi đó, nền kinh tế của đất nước vốn đã nghèo nàn, lạc hậu, lại bị Pháp, Nhật vơ vét phục vụ chiến tranh, thiên tai tàn phá nặng nề nên càng tiêu điều, xơ xác hơn, ruộng đất bỏ hoang nhiều, sản xuất bị đình đốn, ngân khố quốc gia trống rỗng.

Về đời sống, nhân dân ta phải đối mặt với nạn đói đang hoành hành. Đồng thời, tàn tích của chế độ thực dân - phong kiến để lại thực sự là gánh nặng (có tới hơn 90% dân số bị mù chữ). Bên cạnh đó, chính quyền cách mạng còn non trẻ, chưa có kinh nghiệm điều hành quản lý xã hội, quân đội từ nhân dân mà ra mới được xây dựng, trang bị vũ khí thô sơ...

Khó khăn chồng chất khó khăn, vận mệnh Tổ quốc như “ngàn cân treo sợi tóc”. Nhiệm vụ quan trọng nhất của toàn thể dân tộc ta lúc này là: “Quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền độc lập tự do ấy”. Trước tình hình đó, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sáng suốt đưa ra những quyết sách phù hợp.

Ngay sau khi đọc bản Tuyên ngôn độc lập tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), ngày 3-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ lâm thời và nêu lên 6 việc cấp bách cần làm ngay, đó là: tăng gia sản xuất, xóa nạn mù chữ, tổ chức tổng tuyển cử, xóa bỏ các loại thuế dã man và các tệ nạn xã hội, đồng thời cũng tuyên bố tự do tín ngưỡng và đoàn kết tôn giáo.

Trên địa bàn xã Nhu Viễn cũng như nhiều xã khác trong huyện Chợ Đồn, hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng và Chính phủ, những chủ trương, biện pháp khẩn cấp, kịp thời được đưa ra nhằm giúp nhân dân thoát khỏi tình trạng khó khăn.

Nhu Viễn là một trong những địa bàn giành được chính quyền cách mạng sớm của tỉnh Bắc Kạn. Sau ngày chính quyền nhân dân được thành lập ở xã, phong trào cách mạng ở địa phương phát triển thuận lợi. Được sự giúp đỡ của Mặt trận Việt Minh, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời đã bước đầu thực hiện vai trò quản lý xã hội của mình, không ngừng mở rộng ảnh hưởng của cách mạng đến mọi tầng lớp nhân dân. Được nhân dân ủng hộ, chính quyền cách mạng đã làm thất bại âm mưu của phát xít Nhật và đê bẹp bọn phản cách mạng trong người Hoa, phá tan âm mưu chống phá cách mạng của chúng, đảm bảo trị an xã hội, giữ vững chính quyền cách mạng.

Thực hiện chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc” của Trung ương Đảng, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Bắc Kạn, lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc trong huyện Chợ

Đồn cũng như nhân dân xã Nhu Viễn đã không những bảo vệ vững chắc chính quyền địa phương mà còn phát huy trách nhiệm của mình trong việc xây dựng bộ máy nhà nước, xây dựng chế độ xã hội mới.

Để củng cố, xây dựng chính quyền cách mạng, phát huy thành quả Cách mạng Tháng Tám, thực hiện Sắc lệnh số 14/SL, ngày 8-9-1945 của Chính phủ về Tổng tuyển cử bầu Quốc hội, chính quyền và nhân dân các dân tộc xã Nhu Viễn đã khẩn trương chuẩn bị mọi mặt công tác tham gia cuộc vận động chính trị rộng lớn, xây dựng nền dân chủ cộng hòa. Ngày 6-1-1946, hòa vào bầu không khí chính trị của cả nước, nhân dân các dân tộc xã Nhu Viễn đã nô nức thực hiện quyền công dân của mình: bầu cử Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Sau cuộc Tổng tuyển cử, thực hiện chủ trương của cấp trên, tháng 4-1946, xã Nhu Viễn và xã Đồng Lạc sáp nhập lại lấy tên là Lạc Long. Cuối tháng 5-1946, các cử tri xã Lạc Long hăng hái tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp tỉnh và xã. Các ứng cử viên Hội đồng nhân dân cơ bản được Mặt trận Việt Minh giới thiệu, có khả năng và trình độ, đại diện cho các tầng lớp nhân dân. Hội đồng nhân dân xã đã bầu ra Ủy ban hành chính thay thế cho Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời xã do đồng chí Nông Văn Tuyên làm Chủ tịch. Để củng cố và tăng cường sức mạnh của chính quyền, bên cạnh Ủy ban hành chính xã, Ủy ban bảo vệ xã được thành lập.

Cùng với nhiệm vụ củng cố, kiện toàn Ủy ban hành chính, Ủy ban bảo vệ và Ban Chấp hành Việt Minh xã,

các tổ chức, đoàn thể như Đoàn Thanh niên cứu quốc, Hội Phụ nữ cứu quốc, Hội Nông dân cứu quốc cũng được quan tâm lãnh đạo, xây dựng kiên toàn về tổ chức và cán bộ. Tổ chức chính quyền và các đoàn thể quần chúng ở xã đã phát huy được vị trí, vai trò của mình trong việc phát động các tầng lớp nhân dân trong xã tham gia vào hội và vận động các hội viên hăng hái tham gia công cuộc kháng chiến kiên quốc.

Đồng thời với việc củng cố, xây dựng chính quyền, kiên quyết đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài. Nhân dân xã Lạc Long đã từng bước khắc phục những hậu quả nặng nề về kinh tế, xã hội do chế độ cũ để lại.

Trước tình hình nạn đói đe dọa, chính quyền và các đoàn thể quần chúng đã vận động nhân dân “nhường cơm, sẻ áo”, đồng thời đẩy mạnh tăng gia sản xuất, trước mắt là trồng những cây lương thực ngắn ngày nhanh được thu hoạch. Thực hiện “Tắc đất, tắc vàng”, đồng bào các dân tộc đã cấy hết diện tích, phục hồi ruộng đất bỏ hoang để trồng lúa, ngô... Phong trào làm thủy lợi, làm cỏ, bón phân, chăm sóc đồng ruộng, nương rẫy, chăn nuôi gia súc, gia cầm được đẩy mạnh. Nhờ đó, kết quả thu hoạch mùa màng được nâng lên, đời sống đại đa số nhân dân căn bản đã ổn định. Bên cạnh “hũ gạo cứu đói”, nhiều gia đình đã lập được “hũ gạo kháng chiến” để gửi vào Nam. Góp phần cùng nhân dân cả nước giải quyết những khó khăn về kinh tế - tài chính. Nhân dân các dân tộc trong xã Lạc Long đã hưởng ứng phong trào “Quỹ độc lập”, “Tuần lễ vàng” do Chính phủ phát động. Trong hoàn cảnh đời sống

còn túng thiếu, đồng bào trong xã vẫn hằng hái đóng góp trâu bò, thóc gạo, túi đựng gạo, vải tự dệt cho bộ đội.

Xác định “một dân tộc dốt là một dân tộc yếu” nên ngay sau khi nước nhà độc lập, công tác xóa mù chữ đã được Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm đặc biệt. Ngày 8-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ và kêu gọi toàn dân tham gia phong trào diệt giặc dốt. Chấp hành chủ trương của Đảng và Nhà nước, cuối tháng 9-1945, Ty Bình dân học vụ và Ty Tiểu học vụ tỉnh Bắc Kạn được thành lập.

Tháng 10-1945, Ban Bình dân học vụ của huyện được thành lập. Ở Nhu Viễn hơn 90% dân số trong xã mù chữ. Từ tình hình cụ thể của xã, chính quyền xã đã quán triệt sâu sắc nhiệm vụ diệt giặc dốt trong toàn thể đội ngũ cán bộ, chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể và lực lượng vũ trang, đồng thời xác định diệt giặc dốt là một trong những nhiệm vụ cấp thiết cần phải được tiến hành ngay.

Với quyết tâm tiêu diệt giặc dốt, cùng phương châm “người biết chữ ít dạy người chưa biết”, phong trào toàn dân diệt giặc dốt được phát động đã diễn ra sôi nổi ở khắp các thôn bản trên địa bàn xã. Thầy Hoàng Hữu Ly (người xã Nam Cường) là người đầu tiên của xã tham gia dạy các lớp Bình dân học vụ. Lớp học được tổ chức ở mọi thời điểm khác nhau: buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều và cả vào ban đêm, được các tầng lớp nhân dân hưởng ứng rất nhiệt tình. Các tổ chức đoàn thể trong xã còn sử dụng nhiều biện pháp tuyên truyền cổ vũ động viên, kiểm tra hàng ngày để khuyến khích nhân dân đi học. Đơn vị Giải

phóng quân, các đội tự vệ vũ trang đã tập trung những cán bộ, chiến sĩ có trình độ văn hóa xuống các bản làng hẻo lánh xa xôi động viên, tuyên truyền nhân dân học chữ “Bác Hồ”. Đồng thời, thông qua đó vận động đồng bào thực hiện các chính sách mới ở nông thôn, bồi dưỡng các cán bộ nòng cốt cho đồng bào các dân tộc ít người. Đêm đêm khắp các bản làng từ vùng thấp đến vùng cao đều sáng rực ánh đuốc, ánh đèn, từng đoàn thanh niên nam nữ, người già, người trẻ nô nức đến các lớp học chữ, học hát, sinh hoạt đoàn thể, luyện tập quân sự... Chính nhờ sự cố gắng, nỗ lực này mà đến cuối năm 1946, đã có gần 70% dân số ở xã Lạc Long biết đọc, biết viết. Đây là một thắng lợi có ý nghĩa chính trị, xã hội sâu sắc.

Ngoài công tác thanh toán nạn mù chữ, thực hiện đời sống mới trong nhân dân cũng đạt nhiều kết quả tốt. Các tệ nạn xã hội như: cờ bạc, rượu chè, mê tín dị đoan, nghiện hút dần dần giảm bớt trong các sinh hoạt của phần lớn đồng bào. Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ còn thi đua thành lập các đội văn nghệ, trang bị các nhạc cụ dân tộc, đàn tính, lục lạc... và tổ chức các đêm giao lưu, biểu diễn văn hóa, văn nghệ, đọc thơ, vè, ca dao, diễn kịch... với những nội dung ca ngợi cuộc sống mới, đả kích, châm biếm những thói hư tật xấu trong học tập, lao động sản xuất.

Bên cạnh đó, công tác y tế, vệ sinh phòng bệnh chăm lo sức khỏe cho nhân dân cũng từng bước được quan tâm. Phong trào vệ sinh phòng bệnh được tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn khá rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân.

Nhiều phong tục, tập quán lạc hậu do chế độ cũ để lại trong nhân dân đã từng bước được đẩy lùi và xóa bỏ. Bộ mặt xã hội các bản làng đã từng bước được thay đổi, nhờ vậy uy tín, ảnh hưởng của chính quyền cách mạng ngày càng lan rộng trong quần chúng.

Trải qua hơn một năm đấu tranh xây dựng và củng cố chính quyền, bảo vệ thành quả Cách mạng Tháng Tám, đẩy mạnh sản xuất, phát triển văn hóa giáo dục, xây dựng đời sống mới... đã tạo nên những chuyển biến mới về các mặt ở Lạc Long, góp phần quan trọng vào công cuộc giữ gìn độc lập của dân tộc. Thắng lợi này càng củng cố vững chắc thêm niềm tin của nhân dân vào chế độ xã hội mới, vững bước tiến lên thực hiện những nhiệm vụ chính trị của Đảng khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ.

## **2. Cán bộ và nhân dân xã Lạc Long tích cực xây dựng hậu phương, góp phần tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi (1947-1954)**

Với bản chất cực kỳ phản động, hiếu chiến, thực dân Pháp ngang nhiên xóa bỏ Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946, Tạm ước ngày 14-9-1946, từng ngày, từng giờ mở rộng chiến tranh xâm lược trên cả 3 miền Bắc, Trung, Nam. Trước tình hình đó, ngày 19-10-1946, Hội nghị quân sự của Đảng họp tại Hà Nội do đồng chí Trường Chinh - Tổng Bí thư của Đảng chủ trì đã nhận định: không sớm thì muộn Pháp sẽ đánh ta và ta cũng nhất định phải đánh Pháp. Hội nghị quyết định đẩy mạnh nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang, chú trọng nâng cao chất lượng chính trị, nhanh chóng phát triển cơ sở Đảng.

Tại huyện Chợ Đồn, giữa tháng 7-1946, đồng chí Lô Quang Kháng được Tỉnh ủy chỉ định phụ trách Ban cán sự huyện. Qua tuyên truyền, giác ngộ, ngày 1-12-1946 một số cán bộ ưu tú của huyện Chợ Đồn đã vinh dự được kết nạp vào Đảng. Chi bộ đầu tiên của huyện chính thức thành lập gồm 5 đồng chí, do đồng chí Lô Quang Kháng làm Bí thư<sup>1</sup>. Sự ra đời của Chi bộ Đảng huyện Chợ Đồn là một sự kiện có ý nghĩa quan trọng đối với phong trào cách mạng của huyện. Từ đó, phong trào cách mạng trên toàn huyện có sự lãnh đạo trực tiếp của tổ chức Đảng ở địa phương, trước mắt là tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Tháng 12-1946, tình hình trở nên căng thẳng, thực dân Pháp liên tiếp gây hấn với chính quyền ta. Trước tình hình đó, ngày 18 và 19-12-1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp và quyết định phát động cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trên phạm vi cả nước. Hưởng ứng lời kêu gọi của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, cùng với nhân dân cả nước, nhân dân huyện Chợ Đồn nói chung và nhân dân xã Lạc Long nói riêng chính thức bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ chống lại cuộc xâm lược lần thứ hai của thực dân Pháp. Ủy ban kháng chiến xã Lạc Long được thành lập để chỉ đạo các công việc phục vụ kháng chiến, hoạt động song song cùng với Ủy ban hành chính xã.

---

1. *Lịch sử Đảng bộ huyện Chợ Đồn (1930-1954)*, Huyện ủy Chợ Đồn xuất bản, 1993, tr. 52.

Là một huyện miền núi nằm sâu trong núi rừng Việt Bắc, có địa thế hiểm trở, lại giành chính quyền từ khá sớm, do đó Chợ Đồn là một trong những địa điểm được Trung ương chọn làm nơi tiếp nhận các cơ quan Trung ương Đảng, Chính phủ, các kho tàng, xưởng máy... di chuyển tới, làm nơi xây dựng an toàn khu (gọi tắt là ATK) để bảo vệ cơ quan đầu não kháng chiến. Khu vực các xã phía Nam và Tây Nam của huyện, do có địa bàn núi non hiểm trở, kín đáo dễ che giấu và bảo vệ lực lượng nên đã được Trung ương Đảng và Chính phủ chọn làm ATK. Xã Lạc Long tuy không nằm trong trung tâm của ATK nhưng cán bộ và nhân dân các dân tộc trong xã luôn ở trong tư thế sẵn sàng chuẩn bị lực lượng, sẵn sàng chiến đấu đánh bại mọi âm mưu và hành động của quân địch.

Ngay từ khi các cơ quan Trung ương chuyển đến Chợ Đồn, đồng bào các dân tộc trong xã, trong huyện đã cùng nhau bỏ ra hàng trăm ngày công, ủng hộ hàng vạn cây tre, gỗ, nứa... để xây dựng nơi ở và nơi làm việc cùng các kho tàng, xưởng máy của các cơ quan kháng chiến. Tất cả mọi người dân trong xã từ già đến trẻ đều nêu cao ý thức giữ gìn bí mật, hết lòng đùm bọc, che chở các cơ quan Trung ương. Khẩu hiệu “Ba không”<sup>1</sup> được mọi người thực hiện triệt để. Mặc dù cuộc sống vật chất còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhưng nhân dân các dân tộc trong xã đã tự nguyện nhường chỗ ăn, chỗ ở, nơi làm việc, tiếp tế lương

---

1. “Ba không”: không nói chuyện làm lộ bí mật, không nghe những điều không có liên quan đến mình, không chỉ đường và nói chuyện làm lộ bí mật với người lạ mặt.

thực, thực phẩm... tạo điều kiện tốt nhất cho cán bộ, nhân viên các cơ quan Trung ương.

Được xây dựng giữa lòng dân, ATK kháng chiến đã có một phòng tuyến vững chắc. Trung ương Đảng chỉ thị cho các cơ quan, xí nghiệp, đơn vị quân đội phải thường xuyên cộng tác giúp đỡ các địa phương củng cố, xây dựng phong trào. Vì vậy, trong thời kỳ này, cơ sở Đảng ở Chợ Đồn được củng cố và phát triển. Trong vòng 6 tháng đầu năm 1947, huyện đã thành lập được một chi bộ liên xã Ngọc Bằng. Sự hoạt động tích cực của các đảng viên trong Chi bộ Đảng đã nhanh chóng đưa đến sự hình thành các chi bộ mới vào cuối năm 1947: chi bộ liên xã Phương Viên, chi bộ liên xã Thắng Lợi, chi bộ liên xã Nhu Viễn. Xã Nam Cường ngày nay nằm trong chi bộ liên xã Nhu Viễn. Sự ra đời của các chi bộ Đảng đã khẳng định sự phát triển của phong trào cách mạng trên toàn huyện, dưới sự lãnh đạo của các chi bộ là điều kiện thuận lợi giúp cho công cuộc kháng chiến của xã sớm giành được những thắng lợi quan trọng.

Cùng với sự lớn mạnh của tổ chức cơ sở đảng, bộ máy chính quyền xã cũng được củng cố và kiện toàn hơn. Thực hiện chủ trương của Liên khu và của Tỉnh ủy, tháng 10-1947, Ủy ban kháng chiến và Ủy ban hành chính được hợp nhất thành Ủy ban kháng chiến-hành chính xã.

Song song xây dựng chính quyền, xã cũng đặc biệt chú trọng đến việc củng cố, phát triển lực lượng vũ trang.

Nhằm đáp ứng yêu cầu chỉ huy chiến đấu khi địch đến, thực hiện chủ trương của Huyện ủy về thành lập các đội

du kích, tại xã Lạc Long cũng thành lập được một trung đội du kích. Ngoài ra, lực lượng dân quân cũng được xây dựng, là lực lượng nửa vũ trang, có nhiệm vụ vừa sản xuất vừa tham gia tuần tra canh gác và phục vụ chiến đấu như giao thông liên lạc, vận tải, phá hoại...

Dưới sự chỉ đạo của chính quyền, phong trào luyện tập quân sự được quy định chặt chẽ, trở thành một hoạt động có nền nếp trong từng thôn, bản. Đội dân quân du kích xã được huấn luyện theo từng đợt, mỗi đợt từ 15-20 ngày. Chương trình huấn luyện được xây dựng chính quy, thường xuyên được bổ sung và nâng cao để phù hợp với yêu cầu sử dụng vũ khí mới, kỹ thuật tác chiến mới như cách đánh giáp lá cà, đánh quân nhảy dù, đánh địa lôi, cắm chông, gài mìn... Được sự giúp đỡ của Ban quân sự huyện, xã đã được hướng dẫn về lập các phương án tác chiến, xây dựng các trận địa chiến đấu, đặc biệt là xây dựng các tuyến phòng ngự chiến đấu, vững chắc xung quanh các cơ quan trung ương, các kho tàng, các khu lán trại sơ tán của nhân dân.

Sau hai năm xây dựng lực lượng để chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp, nhờ những nỗ lực vượt bậc mà nhân dân Lạc Long đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trên các mặt, ngày càng vững mạnh sẵn sàng đối phó với mọi âm mưu của địch.

Về phía Pháp, mặc dù thất bại cả về mặt quân sự và chính trị nhưng chúng chưa chịu từ bỏ âm mưu chiến lược đánh nhanh thắng nhanh. Vì thế, sau khi cử Xa lăng - một viên tướng được coi là “thông thạo chiến trường” sang

làm tư lệnh quân viễn chinh tại Đông Dương, chúng quyết định mở một cuộc tiến công quân sự trên quy mô lớn vào căn cứ địa Việt Bắc, nhằm bao vây và tiến tới tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến và quân chủ lực của ta để nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

Do nắm vững bản chất phản động, hiếu chiến và âm mưu chiến lược của thực dân Pháp, căn cứ vào diễn biến tình hình, ngày 15-9-1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị nêu rõ nhiệm vụ trước mắt của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân là phải “tích cực chuẩn bị chiến dịch mùa đông về mọi mặt... đặng đối phó với cuộc tiến công có thể lan rộng và ác liệt của quân đội Pháp”<sup>1</sup>.

Sau khi nhận được Chỉ thị của Trung ương và Tỉnh ủy Bắc Kạn về việc tăng cường chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, Đảng bộ huyện Chợ Đồn một mặt lãnh đạo các lực lượng vũ trang tổ chức lực lượng chuẩn bị chiến đấu, mặt khác lãnh đạo triển khai công tác phá hoại để kháng chiến. Tại địa bàn xã Lạc Long, một số làng bản dọc đường làm lán sâu trong rừng để cất giấu lương thực, trâu bò, sơ tán người già và trẻ em, chuẩn bị “vườn không nhà trống” khi chiến sự xảy ra.

Ngày 7-10-1947, thực dân Pháp tập trung lực lượng quân sự và vũ khí tối đa bao gồm cả đường bộ và đường thủy, ồ ạt mở cuộc tấn công lên căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc. Chúng huy động khoảng 12.000 quân tinh nhuệ, gồm có 5 trung đoàn bộ binh, 3 tiểu đoàn dù, 2 tiểu đoàn

---

1. Văn kiện Quân sự của Đảng, Nxb Quân đội nhân dân, 1976.

pháo, 2 tiểu đoàn công binh, 40 tàu chiến, ca nô và 40 máy bay các loại. Ngày 8-10, địch cho 4 đại đội dù tập kích chiếm huyện lỵ Chợ Đồn. Do chủ quan và bị bất ngờ, lực lượng vũ trang huyện đã bỏ lỡ cơ hội tiêu diệt địch ngay từ khi chúng mới nhảy dù xuống thị trấn.

Trước tình hình đó, ngày 9-10, sau khi nhận được “bản chỉ thị cần kíp” của Trung ương Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn đã họp hội nghị nêu lên những chủ trương và biện pháp trước mắt: Thu gom lực lượng du kích, tổ chức chiến đấu với địch để gây ảnh hưởng, lấy lại tinh thần cho cán bộ và nhân dân; huy động nhân dân, dân quân du kích di chuyển các kho tàng, công xưởng... tới nơi an toàn; giữ vững liên lạc với khu, phòng gian, bảo mật, khẩn trương thu hoạch lúa mùa, phá hoại giao thông địch, triển khai thực hiện “vườn không nhà trống” và “ba không”.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, nhân dân Lạc Long đã nêu cao tinh thần chiến đấu, bảo vệ và giải phóng quê hương. Lực lượng dân quân du kích xã phối hợp với nhân dân các dân tộc tổ chức giữ vững giao thông liên lạc, bảo vệ mùa màng; bảo vệ và giúp nhân dân gặt lúa nhằm bảo đảm cuộc sống và đáp ứng nhu cầu hậu cần tại chỗ, đồng thời vận động nhân dân triệt để làm “vườn không nhà trống” và tiếp tục phá hoại các tuyến đường giao thông để chặn địch. Các lực lượng vũ trang đẩy mạnh hoạt động tổ chức các trận đánh quấy rối, làm cho địch nhiều lần khiếp sợ.

Cũng trong thời gian này, quán triệt chủ trương của Trung ương, một số tiểu đoàn thuộc Trung đoàn 72 giải

thể thành các đại đội độc lập, phân về 5 huyện của tỉnh Bắc Kạn. Đại đội độc lập 653 hoạt động ở khu vực Nà Liên (thuộc xã Nam Cường ngày nay), đóng quân ở đây gần 2 tháng, vừa chiến đấu, vừa giúp đỡ địa phương xây dựng, huấn luyện du kích, phát triển chiến tranh du kích.

Trong khi đó, tại các địa phương khác trong huyện, trong tỉnh, vượt qua những khó khăn và lúng túng ban đầu, quân và dân ta đánh địch ngày càng mạnh. Các hoạt động quấy rối, phục kích, tập kích vị trí địch quanh thị xã, thị trấn, chặn đánh các toán quân địch hành quân trên các tuyến đường giao thông... đã gây cho địch nhiều thiệt hại. Trong một trận đánh, đồng chí Đồng Phúc Tạ - Chính trị viên xã Nhu Viễn đã bị thực dân Pháp bắn chết.

Bị sa lầy trong thế trận chiến tranh nhân dân, các vị trí chiếm đóng của quân Pháp dần dần bị cô lập, trợ trợ như những hòn đảo giữa biển cả. Khó khăn ngày một tăng lên, tinh thần quân lính địch ngày một giảm sút.

Trong tình thế ấy, từ cuối tháng 10-1947, Bộ Chỉ huy Pháp buộc phải bỏ một số vị trí ở phía Bắc và Tây Bắc Kạn. Ngày 28-10, địch rút khỏi Bản Thi, Yên Thịnh. Ngày 3-11, chúng phải rút khỏi huyện lỵ Chợ Đồn. Như vậy, gọng kìm bao vây Việt Bắc từ phía Tây bị bẻ gãy, Chợ Đồn được hoàn toàn giải phóng, ATK Chợ Đồn được giữ vững.

Quê hương được giải phóng, Chi bộ và nhân dân các dân tộc trong xã có thêm niềm tin và sức mạnh, không ngừng nâng cao cảnh giác, quyết tâm giữ vững vị trí ATK kháng chiến, đồng thời góp phần tích cực cùng đồng bào

trong khu chiến đấu đánh bại cuộc tấn công lên Việt Bắc của thực dân Pháp.

Thắng lợi trong chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947 của nhân dân các dân tộc trong xã, trong huyện dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện Chợ Đồn, Chi bộ Nhu Viễn đã ghi thêm trang sử vẻ vang vào truyền thống đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc. Thắng lợi này đã góp phần quan trọng làm phá sản âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của thực dân Pháp, bảo vệ an toàn cơ quan đầu não, giữ vững căn cứ địa kháng chiến của cả nước, tạo điều kiện cho cuộc kháng chiến của dân tộc bước sang giai đoạn mới.

Tại Lạc Long, thực hiện chủ trương của cấp trên, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chi bộ Đảng Nhu Viễn và Ủy ban kháng chiến hành chính xã, nhân dân Lạc Long đã tích cực đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất, không ngừng tăng cường tiềm lực mọi mặt nhằm tiếp tục xây dựng và củng cố căn cứ địa, sẵn sàng đối phó với mọi hành động khiêu khích của địch. Hậu quả của chiến tranh do thực dân Pháp gây ra làm cho thu hoạch vụ mùa năm 1947 ở xã bị thất bát, ảnh hưởng lớn đến đời sống của nhân dân. Chi bộ Nhu Viễn đã phát động toàn dân trong xã tập trung sức mạnh, đào mương, đắp đập giữ nước, khai hoang phục hóa, tăng vụ trồng lúa, kết hợp trồng màu, nhất là ngô, khoai, đậu các loại... Lực lượng dân quân du kích, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ xã luôn thể hiện vai trò xung kích đi đầu, bám làng, bám đồng ruộng, đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất. Mặc dù đời sống

còn nhiều khó khăn, vất vả nhưng nhân dân Lạc Long vẫn nhiệt tình ủng hộ bộ đội, dân quân đóng trên địa bàn.

Phong trào ủng hộ bộ đội và du kích ở làng bản, xã nào cũng được thực hiện sôi nổi, rộng khắp trong các tổ chức, đoàn thể và quần chúng nhân dân với nhiều hình thức hết sức phong phú và đa dạng như: gây quỹ, lập trại tăng gia, bán thóc nuôi quân, nhận nuôi thương binh, đỡ đầu một hai anh bộ đội hoặc du kích... Những hộ đồng bào từ nơi khác tản cư đến đã được chính quyền và nhân dân giúp đỡ về đất đai, giống, vốn... để ổn định cuộc sống, đẩy mạnh sản xuất.

Với ý chí kiên cường, tinh thần tự lực, quân và dân Lạc Long đã đạt được những kết quả bước đầu trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, đời sống của nhân dân đã cơ bản ổn định, tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy công tác giáo dục, văn hóa, xã hội, y tế trong xã phát triển lên một bước mới.

Trên mặt trận văn hóa, Đảng chủ trương “văn hóa cũng là một mặt trận”, quán triệt tinh thần của Đảng, Chi bộ, chính quyền xã luôn chú trọng nâng cao trình độ văn hóa cho lực lượng dân quân, du kích và nhân dân. Phong trào bình dân học vụ, bổ túc văn hóa được duy trì và tiếp tục phát triển. Cùng với đó, nếp sống văn hóa mới được cán bộ và nhân dân trong xã duy trì, nhiều hủ tục, tệ nạn xã hội tồn tại lâu đời có chiều hướng suy giảm. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân tuy còn gặp nhiều khó khăn, nhưng đã được nhân dân dần khắc phục.

Có thể nói, khẩu hiệu “Trường kỳ kháng chiến”, “Vừa kháng chiến vừa kiến quốc” được phổ biến, tuyên truyền và quán triệt sâu rộng trong lực lượng vũ trang, trong các tầng lớp đồng bào các dân tộc và trở thành hành động cụ thể của mỗi nhà, mỗi người trong sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu, lao động sản xuất, học tập và công tác, xây dựng cơ sở hậu phương. Đây cũng chính là kết quả tổng hợp của sức mạnh tinh thần, vật chất trên các mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa xã hội... của Chi bộ Đảng Nhu Viễn, nhân dân Lạc Long. Nó khẳng định và chứng minh bằng thực tiễn đúng đắn của đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, dựa vào sức mình là chính, vừa kháng chiến vừa kiến quốc của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh; khẳng định niềm tin sắt đá của quân và dân Lạc Long vào sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Bác Hồ, vào sự tất thắng của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Sau ngày quân Pháp rút khỏi Bắc Kạn (tháng 8-1949), công tác bảo đảm giao thông vận tải trở thành một yêu cầu quan trọng đối với toàn tỉnh Bắc Kạn nói chung huyện Chợ Đồn nói riêng.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng về sửa chữa, khôi phục lại đường số 3, Tỉnh ủy Bắc Kạn đã xác định nhiệm vụ sửa chữa cầu đường là một trong những trọng tâm công tác trong thời kỳ này và phát động “Chiến dịch cầu đường lần thứ nhất”. Tại phần lớn các xã của huyện, trong đó có Lạc Long không khí lên đường tham gia chiến dịch vô cùng sôi động và náo nhiệt. Thanh niên

nam nữ bản trên, làng dưới tích cực chuẩn bị lương thực, thực phẩm lên đường tham gia đội thanh niên xung phong của tỉnh bảo đảm giao thông ở những nơi trọng điểm. Đồng bào các dân tộc vượt qua mọi khó khăn trong sản xuất, đời sống, hăng hái xung phong đi dân công sửa chữa cầu, đường. Đồng bào vùng cao nhiều nơi trong xã phải đi bộ mất hai ba ngày mới tới công trường thi công nhưng vẫn bảo đảm tập trung đúng thời hạn quy định. Tháng 4-1950, đường số 3 từ Thái Nguyên - Bắc Kạn đến Ngân Sơn cơ bản đã thông xe bảo đảm kịp thời cho công tác chuẩn bị mọi mặt trên hướng quốc lộ 3 để mở chiến dịch Biên giới. Hơn 270km đường và hơn 100 chiếc cầu, cống ở trong tỉnh được sửa chữa xong trước thời hạn là kết quả khẩn trương của gần 5.000 dân công, trong đó có một phần đóng góp công sức của nhân dân các dân tộc Nam Cường ngày nay.

Đầu năm 1951, Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn họp hội nghị tổng kết và quyết định phát động phong trào toàn dân tham gia đảm bảo giao thông, gọi là “Chiến dịch cầu đường lần thứ hai”. Phát huy sức mạnh và những thành quả đạt được trong Chiến dịch cầu đường lần thứ nhất, Chi bộ Nhu Viễn đã lãnh đạo nhân dân tích cực hưởng ứng, đồng thời đề ra nhiều hình thức và biện pháp để huy động lực lượng toàn dân trong xã tham gia sửa chữa và bảo đảm giao thông. Nhiều thanh niên nam nữ tình nguyện gia nhập các liên đội thanh niên xung phong làm cầu, đường. Trên địa bàn xã Lạc Long cũng thành lập một ban bảo đảm giao thông có nhiệm vụ huy động nhân công, vật liệu để giữ vững giao thông thông suốt trong mọi tình huống.

Ý thức được đầy đủ trách nhiệm to lớn và vẻ vang của mình khi nằm trong khu vực được chọn làm căn cứ địa, nên cùng với việc khẩn trương khôi phục, sửa chữa cầu đường, Chi bộ và nhân dân Lạc Long không ngừng đẩy mạnh sản xuất, từng bước cải thiện đời sống, đảm bảo cung cấp kịp thời về lương thực, thực phẩm cho kháng chiến.

Trong sản xuất nông nghiệp, vượt qua khó khăn về điều kiện tự nhiên, thiên tai, những hậu quả do địch phá hoại trong thời kỳ tấn công lên Việt Bắc, bà con nông dân trong xã tiếp tục mở rộng diện tích canh tác. Ngoài lúa, Chi bộ vận động quần chúng nhân dân trồng thêm các loại cây hoa màu và các loại cây công nghiệp, chủ yếu là bông. Phong trào “vườn bông ái quốc”, “vườn sản kháng chiến”... đã thu hút hàng nghìn lao động. Nhiều gia đình trồng được hàng trăm gốc sản.

Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng bộ huyện, chi bộ Nhu Viễn cùng với tinh thần tích cực của quần chúng đã đem lại những kết quả tốt đẹp. Sản lượng lương thực các năm 1949, 1950 đều tăng hơn so với năm 1948.

Từ những năm 1949-1950 trở đi, quân ta bắt đầu mở nhiều chiến dịch đánh vận động. Nhu cầu cung cấp về mọi mặt cho cuộc kháng chiến vì thế ngày càng tăng lên. Để tạo điều kiện cho nông dân phấn khởi phát triển sản xuất, tham gia đóng góp cho kháng chiến được nhiều hơn. Ngày 1-5-1951, Chính phủ ban hành Sắc lệnh về thuế nông nghiệp để bảo đảm công bằng về nghĩa vụ và quyền lợi của người nông dân đối với Nhà nước. Đây là

chính sách lớn của Đảng và Chính phủ trong kháng chiến, do tuyên truyền và giáo dục tốt trong nhân dân nên việc thu thuế nông nghiệp trên địa bàn xã Lạc Long đạt được những kết quả đáng khích lệ. Tổng kết đợt đầu tính đến tháng 9-1951, việc thực hiện kế hoạch tính riêng ở hai xã Ngọc Bằng (cũ) và Lạc Long được gần 80 tấn, đạt và vượt mức kế hoạch.

Xã đã thành lập được các tổ đổi công để giúp đỡ lẫn nhau trong lao động. Các phong trào thi đua “sản xuất tiết kiệm”, “thi đua yêu nước”, “cày sâu bừa kỹ”... được phát động trong toàn dân đã đem lại những kết quả đáng phấn khởi. Sản lượng lương thực tăng nhanh không những cải thiện một bước đời sống của nhân dân và cung cấp một phần lương thực cho các cơ quan Trung ương đóng tại địa phương, mà còn đảm bảo cung cấp kịp thời cho tiền tuyến.

Cùng với việc đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất nhằm cải thiện đời sống nhân dân và cung cấp lương thực, thực phẩm cho kháng chiến, Chi bộ Đảng đặc biệt quan tâm đến công tác văn hóa giáo dục, y tế để không ngừng nâng cao dân trí và sức khỏe cho nhân dân.

Công tác giáo dục được Đảng bộ huyện đặc biệt quan tâm, do đó Chợ Đồn là huyện có phong trào giáo dục phát triển mạnh nhất trong khu Việt Bắc. Sau khi thành lập, chính quyền cách mạng đã tổ chức được phong trào bình dân học vụ. Khi thực dân Pháp mở cuộc tấn công lên Việt Bắc (thu đông 1947), các trường, lớp tuy vẫn được duy trì nhưng phong trào có phần lắng xuống. Hàng loạt cán

bộ và học viên tham gia chiến đấu trong các lực lượng vũ trang hoặc làm nhiệm vụ phá hoại giao thông. Do vậy, số lớp học và số học viên giảm sút so với trước đó. Sau ngày Bắc Kạn được giải phóng, các trường, lớp học tập văn hóa được tổ chức lại, phong trào dần dần được hồi phục và phát triển. Năm 1949, trường phổ thông cấp I xã Lạc Long được thành lập. Thầy giáo Đô (người xã Đông Viên) làm hiệu trưởng, trường có 2 lớp (lớp 1 và 2), địa điểm trường đặt tại Bản Mới. Năm 1950, cuộc cải cách giáo dục theo hệ phổ thông 9 năm, vị trí của nhà trường được xác định đúng đắn trong xã hội, những nọc độc văn hóa, giáo dục nô dịch, ngu dân bị xóa bỏ tận gốc, nền giáo dục dân tộc và khoa học được xác lập vững chắc. Cũng từ đó, bộ máy quản lý giáo dục các cấp được kiện toàn. Năm 1950, trường có thêm nhiều con em các dân tộc đi học.

Cùng với giáo dục phổ thông, ngành bổ túc văn hóa và bình dân học vụ cũng có nhiều bước tiến mới. Khẩu hiệu “đi học là yêu nước” ăn sâu vào nhận thức của mỗi người dân. Đêm đêm, mọi người hăng hái đốt đuốc đến lớp học, phong trào “dạy cho nhau” được phát động và hưởng ứng tích cực trong toàn xã.

Phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng cũng được phát động sôi nổi. Các bài thơ ca cách mạng được dịch ra tiếng dân tộc, được phổ biến rộng rãi trong nhân dân. Những hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ đã góp phần động viên mạnh mẽ tinh thần tham gia kháng chiến của đồng bào các dân tộc, đồng thời tạo dựng cuộc sống vui tươi, lành mạnh ở địa phương. Những tệ nạn xã hội của chế độ cũ, những phong tục tập quán lạc hậu... được

xóa bỏ từng bước. Đời sống văn hóa, tinh thần của đồng bào các dân tộc được nâng lên rõ rệt.

Công tác xây dựng và phát triển y tế, chăm lo sức khỏe của nhân dân được Chi bộ Đảng đặc biệt quan tâm. Chi bộ cũng phát động phong trào vệ sinh yêu nước, thực hiện “sạch làng tốt ruộng”, “ăn chín uống sôi”. Trong nhân dân các dân tộc có cuộc vận động làm chuồng trâu xa nhà ở, chiến dịch diệt ruồi muỗi. Ý thức phòng bệnh và trị bệnh theo phương pháp khoa học trong đồng bào các dân tộc được nâng cao. Nhờ có những cố gắng, một số bệnh truyền nhiễm như sốt rét... được loại trừ từng bước. Sức khỏe của cán bộ và nhân dân các dân tộc trong xã được đảm bảo và tăng cường, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đẩy mạnh các hoạt động kháng chiến ở địa phương.

Những thành tựu đạt được trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, giáo dục là do sự nỗ lực phấn đấu của nhân dân các dân tộc trong xã dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng Nhu Viễn, đã biết vận dụng các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, của Tỉnh ủy, Huyện ủy để tổ chức chỉ đạo thực hiện. Thắng lợi đạt được của cán bộ và nhân dân các dân tộc xã Lạc Long là cơ sở để tạo ra những bước phát triển mới trong thời kỳ tiếp theo.

Tháng 9-1952, thực hiện chủ trương của cấp trên, xã Lạc Long được tách thành 2 xã: Đồng Lạc và Nam Cường. Đồng chí Đồng Văn Thọ làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã. Theo đó, Chi bộ Đảng xã Nam Cường cũng được thành lập. Sau khi thành lập, Chi bộ tiến hành Đại hội, bầu Ban Chi ủy gồm 9 đồng chí.

Đồng chí Đàm Văn Tường được bầu làm Bí thư đầu tiên của Chi bộ, đồng chí Đồng Văn Thọ làm Phó Bí thư phụ trách chính quyền. Các đồng chí khác trong Ban Chi ủy gồm: Triệu Văn Thâm, Luân Văn Ý, Nguyễn Triệu Sơn, Hoàng Văn Lực, Hoàng Văn Lập, Hoàng Văn Bẩm, Triệu Văn Kỳ, Ma Thị Phượng, Chu Thị Lả.

Sự kiện thành lập xã và Chi bộ Đảng Nam Cường có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với nhân dân các dân tộc xã Nam Cường. Từ đây, nhân dân trong xã đã có một tổ chức Đảng trực tiếp lãnh đạo và dẫn dắt, xây dựng và phát triển quê hương ngày càng giàu đẹp và vững mạnh, cùng nhân dân trong cả nước tiến hành cuộc đấu tranh chống quân xâm lược.

Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng, nhân dân trong xã đã giành được những thắng lợi bước đầu trên tất cả các lĩnh vực.

Trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, Chi bộ Đảng đã lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh xây dựng các tổ đổi công, thi đua sản xuất trên cả 2 lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi nhằm ổn định, cải thiện một bước đời sống nhân dân và đáp ứng đầy đủ mọi nhu cầu về lương thực, thực phẩm cho kháng chiến. Từ năm 1953, phong trào trồng lúa chiêm và nam ninh đạt kết quả khá, sản lượng thu hoạch tăng hơn so với năm 1952. Do những khó khăn về thời tiết, nhiều nơi bị hạn nặng, Chi bộ và chính quyền xã đã vận động nhân dân đào mương, đắp phai, khơi các nguồn nước, ra sức chống hạn.

Sản xuất phát triển đã góp phần quan trọng tạo điều kiện cho nhân dân đóng góp sức người, sức của cho cuộc kháng chiến. Thực hiện lời hiệu triệu bán thóc nuôi quân của Hồ Chủ tịch, nhân dân các dân tộc trong xã đã quyên góp được hàng nghìn tấn thóc cho chiến trường. Đồng thời, đồng bào còn đóng góp các khoản: thóc dự trữ, thóc cho bộ đội địa phương...

Chi em phụ nữ xã nêu cao tinh thần yêu nước, hăng hái tham gia các phong trào ủng hộ kháng chiến như: Hưởng ứng mùa đông binh sĩ, Giúp đỡ thương binh, Hũ gạo nuôi quân... đã đóng góp hàng trăm tấn gạo, các loại thực phẩm: rau, trứng, cà chua và một số đồ dùng sinh hoạt cho bộ đội.

Từ năm 1953, nhân dân các dân tộc xã Nam Cường tiếp tục đóng góp thuế mỗi năm một tăng lên theo nhu cầu của cuộc kháng chiến.

Công tác văn hóa, giáo dục, y tế luôn được Chi bộ quan tâm chỉ đạo. Số học sinh đến trường mỗi năm một đông, đội ngũ giáo viên được nâng cao về trình độ chuyên môn, năng lực quản lý. Trường phổ thông cấp I đã có thêm một lớp 3. Các lớp học xóa mù chữ theo tinh thần “người biết chữ dạy người chưa biết” được mở rộng rãi tại các thôn bản, thu hút đông đảo con em các dân tộc theo học. Đến năm 1953, xã đã xây dựng được tủ thuốc, có y tá phụ trách. Công tác vệ sinh phòng bệnh, nhất là chống bệnh sốt rét, ăn ở sạch, uống nước đun sôi, ngủ nằm màn, làm chuồng trâu xa nhà... được xây dựng, trở

thành phong trào ngày càng rộng rãi. Phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng phát triển rộng rãi trong nam nữ thanh niên các dân tộc.

Công tác xây dựng Đảng có bước phát triển mới, hầu hết các đồng chí trong Ban Chi ủy đều được trưởng thành từ cuộc kháng chiến, tích lũy được nhiều kinh nghiệm về công tác lãnh đạo và chỉ đạo. Công tác giáo dục rèn luyện tư tưởng, cũng như việc bồi dưỡng lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin được Chi bộ Đảng chú trọng. Nhờ đó, trình độ giác ngộ và ý thức Đảng trong đảng viên được nâng lên rõ rệt, đưa Chi bộ Đảng trưởng thành về mọi mặt lãnh đạo nhân dân trong xã góp phần cùng nhân dân cả nước làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Từ năm 1953, tình hình chiến sự trên cả nước có nhiều chuyển biến quan trọng và rất thuận lợi cho ta. Quân và dân ta luôn giành được ưu thế về binh lực và quyền chủ động tiến công. Hậu phương ta ngày càng được mở rộng và lớn mạnh. Vì vậy bước vào đông xuân năm 1953-1954, quân ta mở cuộc tiến công chiến lược trên tất cả các chiến trường. Yêu cầu chi viện về sức người, sức của cho các mặt trận càng trở nên hết sức cấp bách.

Nhận thức được tình hình, Chi bộ, chính quyền xã đã xác định cần xây dựng lực lượng dân quân du kích vững mạnh về chính trị, quân sự, hậu cần. Đồng thời, không ngừng nâng cao sức chiến đấu và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong lực lượng dân quân du kích.

Năm 1954, ta chuẩn bị mở cuộc tiến công chiến lược vào căn cứ mạnh nhất của địch ở Điện Biên Phủ, Chi bộ xã Nam Cường cùng toàn thể nhân dân quyết tâm hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao, chi viện sức người, sức của ngày càng cao cho tiền tuyến. Nhiều gia đình hăng hái xung phong đi dân công phục vụ chiến đấu. Với tinh thần “Tất cả cho tiền tuyến”, những dân công ở xã đã vượt qua mọi đèo cao, rừng sâu, gồng gánh, mang vác vũ khí, lương thực ra mặt trận, đảm bảo giao thông ở các tuyến đường trọng điểm.

Ngày 13-3-1954, chiến dịch Điện Biên Phủ mở màn. Sau 56 ngày đêm chiến đấu kiên cường, quân ta đã tiêu diệt hoàn toàn tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Ngày 7-5-1954, chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng, nhân dân Việt Nam giành được thắng lợi cuối cùng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Tin thắng trận ở Điện Biên Phủ vang dội, truyền tới khắp thôn, bản trong xã Nam Cường như thúc giục nhân dân hăng hái lao động, sản xuất và chiến đấu giành chiến thắng.

Chiến thắng Điện Biên Phủ đưa cuộc cách mạng của nhân dân ta lên một tầm cao mới - giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và thực hiện “Người cày có ruộng”. Trải qua 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, trực tiếp là Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn và huyện Chợ Đồn, Chi bộ và nhân dân các dân tộc xã Nam Cường đã phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết của dân tộc, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, hoàn

thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ và giữ vững chính quyền cách mạng, bảo vệ căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc, góp phần vào thắng lợi chung của toàn dân tộc.

Trong cuộc đấu tranh anh dũng chống thực dân Pháp, Nam Cường đã đóng góp cho kháng chiến hàng trăm tấn lương thực, thực phẩm, hàng trăm dân công lên đường đi vận chuyển lương thực, đi làm đường. Kết thúc cuộc kháng chiến, Nam Cường có 1 liệt sỹ, 5 gia đình có công giúp đỡ cách mạng; được tặng thưởng 57 huân, huy chương chiến thắng...

Tự hào về những trang lịch sử hào hùng của quê hương, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chi bộ Đảng, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc xã Nam Cường tiếp tục phấn đấu vươn lên hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới, thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà (1954-1975).

### *Chương III*

## **CHI BỘ ĐẢNG NAM CƯỜNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THAM GIÁ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954-1975)**

### **I. XÃ NAM CƯỜNG TRONG THỜI KỲ ĐẦU XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1954-1965)**

#### **1. Khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa (1954-1957)**

Ngày 7-5-1954, chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng buộc thực dân Pháp phải ngồi vào bàn đàm phán. Ngày 21-7-1954, Hiệp định Giơnevơ được kí kết, nước ta tạm thời bị chia cắt làm hai miền. Sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước vẫn chưa hoàn thành. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng đi lên chủ nghĩa xã hội. Còn ở miền Nam, đế quốc Mỹ và các lực lượng tay sai tìm mọi cách phá hoại Hiệp định Giơnevơ, âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và là căn cứ quân sự của chúng, tạo bàn đạp tấn công ra miền Bắc, ngăn chặn phong trào giải phóng dân tộc và phong trào cách mạng xã hội chủ nghĩa. Tình hình đó, đòi hỏi cách mạng Việt Nam phải chuyển sang một giai đoạn mới là: tiến hành cách

mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà ở miền Nam.

Bước vào thời kỳ lịch sử mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, nhân dân các dân tộc xã Nam Cường ra sức thực hiện những nhiệm vụ cách mạng mà Đảng ta đã đề ra. Là xã nằm sâu trong căn cứ địa kháng chiến, sau chiến thắng Việt Bắc thu đông 1947 trở thành vùng tự do, là hậu phương kháng chiến. Tuy nhiên, do là xã thuộc huyện miền núi, ruộng đất manh mún, phân tán, sự phân hóa giai cấp ở nông thôn đã có, song không sâu sắc, sự chiếm hữu ruộng đất của các tầng lớp trên không lớn, nên chủ trương của Đảng ta đối với huyện Chợ Đồn nói chung, xã Nam Cường nói riêng là không tiến hành cải cách ruộng đất mà chỉ thực hiện kết hợp cải cách dân chủ với cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp.

Trong cuộc cải cách dân chủ, ông Báu (tỉnh Thái Nguyên) được bầu làm Đội trưởng đội cải cách. Đội chủ yếu dựa vào Nông hội, Nông hội đã tỏ rõ vai trò của mình trong việc đoàn kết nông dân thực hiện mục tiêu của cuộc cải cách ở địa phương. Bên cạnh đó, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, Cương lĩnh đại đoàn kết của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân các dân tộc, Chi bộ Đảng đã vận động quần chúng đấu tranh với những tư tưởng hẹp hòi, tự ti dân tộc, nhất là âm mưu chia rẽ dân tộc của các phần tử xấu, thực hiện sự bình đẳng tiến bộ giữa các dân tộc, triệt để thanh toán những tàn tích tư tưởng thực dân phong kiến, phản khoa học cản trở đến sự tiến bộ của xã hội.

Thực hiện kế hoạch 3 năm khôi phục kinh tế, bước đầu phát triển văn hóa (1955-1957), xã Nam Cường đã đạt được nhiều thành tích quan trọng trên các mặt.

Về sản xuất nông nghiệp, Chi bộ chỉ đạo nhân dân đẩy mạnh gieo trồng lúa chiêm và Nam Ninh nhằm tăng thêm sản lượng lương thực. Do đẩy mạnh làm thủy lợi, bảo đảm nước tưới và thực hiện các biện pháp kỹ thuật về gieo mạ, bón phân, làm cỏ... năng suất lúa năm 1954 tăng hơn so với năm 1953. Đối với vụ mùa, đồng bào tranh thủ làm kịp thời vụ, thực hiện cấy nhỏ đánh nhiều cánh đồng. Để đảm bảo nước tưới cho đồng ruộng, nhân dân các dân tộc trong xã đã tiến hành sửa chữa mương phai, cải tạo lại các công trình thủy lợi. Mặc dù vậy, thiên tai lũ lụt, hạn hán, sâu bệnh diễn ra liên tiếp nên mùa màng thất thu. Vào thời điểm gặt hái, trong xã có nhiều gia đình bị đói.

Ngoài trồng lúa, đồng bào còn đẩy mạnh trồng ngô, khoai và các loại đỗ... Ngô chủ yếu được trồng trên các nương và các soi bãi, với diện tích rộng. Các loại hoa màu được gieo trồng nhiều, phát triển tốt và cho thu hoạch khá.

Trong hai năm 1956-1957, sản xuất lương thực của xã phát triển trên cả mặt diện tích và sản lượng. Ngoài các biện pháp kỹ thuật như cày ải, bừa kỹ, làm cỏ, sục bùn... nông dân còn đẩy mạnh bón phân cho cả hai vụ. Sản lượng lúa nam ninh, lúa mùa và lúa rẫy đều tăng so với trước. Nhờ đó, nhiều hộ gia đình đã xóa được nạn đói triền miên, tình trạng các hộ thiếu ăn vào lúc giáp hạt giảm hẳn. Đời sống đồng bào ổn định, củng cố thêm niềm

tin của nhân dân các dân tộc vào công cuộc khôi phục kinh tế ở địa phương.

Sản xuất lương thực của xã đạt được nhiều tiến bộ đã có tác dụng thúc đẩy chăn nuôi phát triển. Chăn nuôi trâu, bò không những bảo đảm sức kéo cho địa phương mà còn cung cấp sức kéo, thực phẩm cho miền xuôi. Nuôi lợn được chú trọng trong các hộ, nhằm đáp ứng nhu cầu thực phẩm cho các gia đình, trong 3 năm (1955-1957), trung bình mỗi năm xã nuôi 200 con. Đàn gia cầm gà, vịt, ngan, ngỗng và thả cá ở ruộng đã góp phần cải thiện đáng kể bữa ăn hàng ngày của các gia đình.

Thành lợi của ba năm khôi phục kinh tế (1955-1957) góp phần quan trọng ổn định và cải thiện một bước đời sống nhân dân các dân tộc, tạo điều kiện thuận lợi để xã hoàn thành nghĩa vụ lương thực đóng cho Nhà nước.

Kinh tế được phục hồi đã góp phần quan trọng vào việc phát triển văn hóa, xã hội, củng cố quốc phòng an ninh.

Công tác giáo dục, trong hoàn cảnh lịch sử mới, do yêu cầu xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước, số người theo học các lớp bình dân học vụ và bổ túc văn hóa trong cán bộ và nhân dân các dân tộc mỗi năm một tăng. Giáo dục phổ thông không ngừng được mở mang. Năm học 1957-1958, xã có lớp vỡ lòng với 2 giáo viên đầu tiên của xã là thầy giáo Hoàng Văn Ngân và thầy giáo Ma Văn Ích<sup>1</sup>. Trường, lớp được tu sửa mới hơn, khang trang hơn, số học sinh qua các năm học đều tăng. Do điều kiện

---

1. Đây là 2 giáo viên dạy vỡ lòng đầu tiên của xã.

học tập được cải thiện, nên chất lượng đào tạo cũng được nâng lên. Đội ngũ giáo viên qua các năm học được củng cố, tăng về số lượng và chất lượng. Lớp vỡ lòng (hệ mầm non) được tổ chức, mỗi năm đào tạo hàng trăm em nhỏ bước vào học lớp một tại trường phổ thông.

Về công tác y tế, chăm lo sức khỏe cho nhân dân được xã quan tâm chỉ đạo. Xã đã có cán bộ y tế phụ trách đó là bà Nông Thị Tính (làm y tá). Công tác vệ sinh (ăn ở hợp vệ sinh, nhà cửa, làng bản sạch sẽ), tiêm chủng phòng bệnh, khám và phát thuốc chữa bệnh cho nhân dân được đôn đốc, tiến hành thường xuyên, đã hạn chế được số người mắc các bệnh sởi, sốt rét, tiêu chảy, ho gà...

Công tác xây dựng lực lượng vũ trang, đảm bảo an ninh quốc phòng được Chi bộ và chính quyền xã quan tâm. Mọi hoạt động dân quân du kích thời gian này hướng vào nhiệm vụ trung tâm là củng cố quốc phòng, giữ gìn trị an địa phương. Dân quân du kích xã thường xuyên phối kết hợp các hoạt động với công an xã tăng cường trị an, vây quét các ổ đánh bạc, đường dây buôn lậu thuốc phiện... xử lý theo pháp luật. Sự phối kết hợp các lực lượng vũ trang đã góp phần quan trọng bảo đảm sự ổn định chính trị ở địa phương, củng cố chính quyền đồng thời tạo điều kiện cho nhân dân đấu tranh xóa bỏ các tàn dư phong kiến, trong khi tiến hành cuộc vận động thành lập Khu tự trị Việt Bắc (1956).

Hướng về đồng bào miền Nam, đấu tranh thống nhất nước nhà, Chi bộ đã ra sức tuyên truyền, vận động nhân dân các dân tộc hăng hái tham gia đóng góp xây dựng đất

nước. Huy động hàng trăm nhân công tham gia lao động tại các công trường phía Nam của tỉnh Bắc Kạn, tham gia vào các cuộc mít tinh phản đối âm mưu phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ chia cắt lâu dài đất nước ta của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai.

Từ chính quyền cho tới các tổ chức quần chúng, các ngành, các giới từng bước được củng cố, nêu cao vai trò trách nhiệm, đặc biệt tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ có vai trò lớn trong việc động viên lực lượng đi đầu trong sản xuất (làm thủy lợi, phân bón, áp dụng các biện pháp kỹ thuật nông nghiệp), tham gia dân quân, du kích.

Thực hiện nhiệm vụ chính trị mới, Chi bộ Đảng không ngừng được củng cố vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Coi huấn luyện đảng viên là khâu quan trọng để nâng cao chất lượng đảng viên.

Những thành tích đạt được trong kế hoạch ba năm mặc dù còn rất khiêm tốn, song có tác dụng củng cố vững chắc lòng tin của nhân dân các dân tộc Nam Cường vào chủ trương, chính sách của Đảng trong thời kỳ mới tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

## **2. Tiến hành cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp, tiếp tục phát triển kinh tế - văn hóa (1958-1960)**

Sau 3 năm khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa, giáo dục, đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của nhân dân các dân tộc trong xã Nam Cường được cải thiện một bước. Đó là cơ sở để Chi bộ Đảng và nhân dân các dân tộc tiến lên thực hiện kế hoạch 3 năm cải tạo các thành phần kinh tế theo hướng xã hội chủ nghĩa (1958-1960).

Tháng 11-1958, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 14 chủ trương cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế cá thể trong nông dân, thợ thủ công, người buôn bán nhỏ và kinh tế tư bản tư doanh, đồng thời phát triển kinh tế văn hóa trong 3 năm 1958-1960. Với miền núi, Hội nghị lần thứ 16 Ban Chấp hành Trung ương (tháng 4-1959) chỉ ra trong khi tiến hành cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp còn được kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ.

Tiến hành cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp ở Nam Cường, xã có những thuận lợi cơ bản là Chi bộ Đảng vừa được củng cố về mọi mặt. Nhân dân các dân tộc có truyền thống yêu nước, cách mạng, cần cù lao động. Phong trào đấu công có từ trong kháng chiến, những năm đầu hòa bình tiếp tục được xây dựng và củng cố, có tác dụng hướng đồng bào các dân tộc làm quen dần với hình thức sản xuất tập thể.

Tuy nhiên, cải tạo xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực nông nghiệp đối với Nam Cường cũng gặp không ít khó khăn. Trước hết đó là sự thay đổi căn bản thói quen, nếp nghĩ, nếp làm có từ bao đời nay đối với người nông dân trên mảnh ruộng của họ. Khó khăn lớn nhất, chi phối lâu dài vẫn là dân cư, làng bản phần nhiều thưa thớt, ruộng đất phân tán, manh mún, kỹ thuật canh tác lạc hậu, ngoài công cụ cày bừa, trâu kéo, cơ sở vật chất phục vụ sản xuất hầu như không có gì.

Tại xã Nam Cường, Chi bộ Đảng chủ trương đẩy mạnh xây dựng phong trào đấu công làm cơ sở cho việc tổ chức phong trào hợp tác hóa trong những năm tiếp theo.

Năm 1958, xã thành lập được 6 tổ đội công ở các thôn, bản là: Na Liền, Na Mèo do ông Mã Đức Sương làm tổ trưởng; Bản Mới do bà Mã Thị Toàn làm tổ trưởng; Cốc Lùng do ông Trần Ngọc Bích làm tổ trưởng; Bản Chày do ông Hoàng Văn Bình làm tổ trưởng; Bản Quá do ông Hoàng Văn Nhân làm tổ trưởng, ông Đồng Văn Canh làm Phó Chủ nhiệm; Bản Lồm do ông Ma Văn Thường làm tổ trưởng. Mỗi tổ có từ 8-12 hộ, đổi công cho nhau bằng thẻ đổi công.

Phong trào vận động nhân dân vào hợp tác xã ở Nam Cường diễn ra rất thuận lợi. Đến cuối năm 1959, đầu năm 1960, xã đã thành lập được 3 hợp tác xã nông nghiệp bậc thấp là:

Hợp tác xã Bản Luộc do ông Hoàng Hữu Ly làm Chủ nhiệm, ông Mã Đức Sương là Phó Chủ nhiệm, ông Đàm Ngọc Chấn làm Kế toán.

Hợp tác xã Bản Mới do ông Trần Ngọc Bích làm Chủ nhiệm, bà Ma Thị Toàn làm Phó Chủ nhiệm.

Hợp tác xã Bản Quá do ông Đồng Văn Thuận làm Chủ nhiệm, ông Long Văn Niên làm Phó Chủ nhiệm, ông Đồng Văn Tân làm Kế toán.

Tháng 4-1960, huyện Chợ Đồn tiến hành Đại hội Đảng bộ lần thứ IV, Nghị quyết Đại hội nhấn mạnh: “Năm 1960 lấy việc cải tạo phát triển nông nghiệp làm nhiệm vụ hàng đầu trong toàn bộ kế hoạch phát triển kinh tế quốc dân, hoàn thành tốt nhiệm vụ trọng yếu và trung tâm là mở rộng, củng cố hợp tác xã nông nghiệp, đi đôi

với phong trào hợp tác hóa phải gấp rút cải tiến kỹ thuật. Trong phát triển nông nghiệp lấy phát triển cây lúa, hoa màu làm chính”<sup>1</sup>.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ lần thứ IV, Chi bộ Đảng Nam Cường đã lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh sản xuất lương thực. Các giống lúa chính được đưa vào gieo cấy thời kỳ này là Bao thai lùn, lúa chiêm. Năng suất đạt 1,8-2 tạ/ha. Các loại ngô, khoai, sắn, đậu đỗ cũng được bà con các dân tộc tích cực gieo trồng nhằm cung cấp thêm sản lượng lương thực, giải quyết nạn thiếu ăn thời kỳ giáp hạt. Chăn nuôi gia súc, gia cầm trong các hộ gia đình phát triển mạnh. Nhìn chung, đàn trâu, bò, lợn đều tăng hơn so với năm 1958.

Sau khi làm nghĩa vụ lương thực với Nhà nước (khoảng 30-32 tấn/năm), hợp tác xã trích lại một phần quỹ hợp tác xã để cứu đói, hộ nghèo có thể ứng thóc gạo chống đói và trả lại khi thu hoạch mùa màng. Bình quân mỗi xã viên được 7-8 lạng/1 công.

Các ngành nghề thủ công như nghề rèn, đan lát, dệt thổ cẩm... được chú trọng tiếp tục phát triển.

Bên cạnh việc thành lập các hợp tác xã nông nghiệp, năm 1960 hợp tác xã tín dụng của xã ra đời do ông Chu Văn Mạc làm Chủ nhiệm, ông Sái Minh Tương làm Phó Chủ nhiệm, ông Mã Đức Xuân làm Kế toán.

---

1. Báo cáo Chính trị tại Đại hội Đảng bộ huyện Chợ Đồn khóa IV, tr. 13, lưu trữ tại Huyện ủy Chợ Đồn.

Để thúc đẩy kinh tế, văn hóa phát triển, nhân dân các dân tộc xã Nam Cường ra sức thực hiện Nghị quyết Đại hội IV của Đảng bộ huyện về việc mở rộng đường dân sinh (đường 29) Chợ Đồn - Bắc Kạn và con đường liên xã Nhu Viễn - Bản Thi. Xã đã huy động hàng trăm dân công vào công tác sửa chữa đường giao thông, làm việc ngày đêm bảo đảm cho các đoàn vận tải xe trâu chuyên chở hàng hóa từ tỉnh lỵ Bắc Kạn vào Chợ Đồn và ngược lại. Nhờ những nỗ lực của cán bộ và nhân dân các dân tộc trong xã, đến năm 1960, xe trâu đã đi lại tương đối thuận lợi trên đường 29, con đường nối liền giữa xã với các xã bạn cũng đi lại dễ dàng hơn.

Năm 1960, xã cùng toàn huyện khởi công xây dựng công trình thủy nông dài 7km, từ Đồng Lạc đến Nam Cường. Đây là, công trình thủy lợi lớn đầu tiên của xã, có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với đồng bào các dân tộc trong việc sản xuất nông nghiệp.

Sự phát triển của kinh tế tạo điều kiện để xã đẩy mạnh sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế nhờ đó đã thu được những kết quả tốt. Về giáo dục, quy mô trường lớp ngày càng được củng cố, mở rộng, đội ngũ giáo viên, số lượng học sinh ngày càng tăng, chất lượng giáo dục cũng được nâng dần lên. Năm 1960, trường phổ thông cấp I của xã có thêm một lớp 4, trụ sở vẫn đóng tại Bản Mới. Trường phổ thông quán triệt hai nguyên lý giáo dục của Đảng là học kết hợp với hành. Tuổi nhỏ làm việc nhỏ, các em học sinh đã tham gia lao động xây dựng trường lớp và lao động ở địa phương như hưởng ứng phong trào “sạch làng, tốt ruộng”, bắt sâu cứu lúa...

Ngoài giáo dục phổ thông, trong 3 năm (1958-1960), xã cũng có nhiều cố gắng duy trì các lớp bình dân học vụ, xóa mù chữ cho hàng trăm người từ vùng cao tới vùng thấp và bỏ túc trình độ học vấn cho các đối tượng: cán bộ, đội trưởng sản xuất và nhân dân.

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân ngày càng được coi trọng. Năm 1960, trạm xá xã được thành lập. Trạm đã được trang bị ống nghe, một số loại thuốc cơ bản như Penicilin, thuốc phòng chống sốt rét... đảm bảo khám chữa bệnh bước đầu cho nhân dân.

Cuộc vận động xây dựng nếp sống mới trở thành phong trào của toàn dân, giảm nhẹ ma chay cưới xin, đặc biệt là cải tạo put, tào, mo, then đạt nhiều kết quả, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về tư tưởng trong nhân dân, góp phần vào việc xây dựng nếp sống mới văn minh, tiến bộ và giữ vững trị an xã hội. Xã đã tổ chức được đội văn nghệ, biểu diễn trong đại hội xã viên hoặc trong các dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn nêu cao truyền thống văn hóa của các dân tộc.

Cải tạo và thực hiện kế hoạch 3 năm (1958-1960), Chi bộ và nhân dân các dân tộc xã Nam Cường không chỉ góp phần vào công cuộc xây dựng, đổi mới đất nước, mà còn tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh.

Công tác xây dựng lực lượng dân quân tự vệ được quán triệt. Thông qua tuyên truyền, giáo dục nhiệm vụ cách mạng, quốc phòng - an ninh trong giai đoạn lịch sử mới, đông đảo thanh niên trong xã đã hăng hái tham gia dân quân. Lực lượng dân quân tự vệ được huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu đã giữ vững an ninh, trật tự xã hội trên địa

bàn xã. Nhờ những cố gắng trong công tác giáo dục chính trị, chăm lo sức khỏe cho thanh niên, nên công tác tuyên truyền đều bảo đảm yêu cầu.

Trong những năm 1958-1959, ảnh hưởng của cái gọi là “Đảng nhất tâm dân tộc” từ Tuyên Quang lan đến Nam Cường. Với tinh thần cảnh giác cách mạng, phối hợp với các xã khác, lực lượng an ninh xã đã phát hiện những cơ sở nhen nhóm đầu tiên của tổ chức, tiến hành cải tạo, giáo dục những người lầm đường, lạc lối.

Về công tác xây dựng Đảng, trong thời gian này, qua việc lãnh đạo tổ chức thực hiện những nhiệm vụ của địa phương, Chi bộ đã chú trọng tăng cường sinh hoạt tư tưởng, lãnh đạo đảng viên học tập nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng và của cấp trên, thường xuyên nắm vững diễn biến tư tưởng của đảng viên. Trong khi miền Bắc nói chung, cán bộ và nhân dân các dân tộc xã Nam Cường nói riêng đang hăng hái thực hiện xây dựng chủ nghĩa xã hội thì tại miền Nam, đế quốc Mỹ cùng bè lũ tay sai Ngô Đình Diệm ra sức đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân. Quán triệt nội dung Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (tháng 5-1959) về đường lối, nhiệm vụ đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, Chi bộ Đảng Nam Cường thường xuyên giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân địa phương nâng cao cảnh giác, tăng cường công tác an ninh quốc phòng, hết lòng ủng hộ đồng bào miền Nam.

Được sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy, từ giữa tháng 12-1959, Chi bộ xã đã triển khai thực hiện Chỉ thị

156 của Trung ương về cuộc vận động cải cách dân chủ để thúc đẩy phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, phát triển sản xuất, củng cố nông thôn theo đường lối giai cấp nông thôn của Đảng.

Tiếp thu tinh thần Chỉ thị 156 của Trung ương, đồng bào các dân tộc như được tăng thêm sức mạnh, dám nhìn thẳng vào sự thật, mạnh dạn đấu tranh với những phần tử lợi dụng uy quyền, thần quyền xưa nay từng khống chế nhân dân, nói xấu chế độ, xuyên tạc chính sách hợp tác hóa nông nghiệp của Đảng. Qua học tập và đấu tranh củng cố thêm khối đoàn kết dân tộc, những vướng mắc, mặc cảm giữa các dân tộc được xóa bỏ. Cuộc vận động đã cổ vũ mạnh mẽ nhân dân các dân tộc tham gia hợp tác xã nông nghiệp và củng cố quan hệ sản xuất mới.

Việc triển khai Chỉ thị 156 của Trung ương thực sự là một cuộc sinh hoạt chính trị nhằm nâng cao tính chất giai cấp, tiên phong, cách mạng của Đảng. Trong Chi bộ đã đẩy mạnh đấu tranh tự phê bình và phê bình nhằm giữ vững kỷ luật của Đảng, làm trong sạch hàng ngũ Đảng. Chi bộ thường xuyên tổ chức nhiều đợt tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Do có đảng viên chấp hành tốt đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, thực hiện chính sách nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước vượt mức kế hoạch, đảng viên, chi ủy viên gương mẫu trong chính quyền, đoàn kết nội bộ, có ý thức đấu tranh, xây dựng Đảng; nêu cao được vai trò lãnh đạo của mình trong việc vận động nhân dân vào hợp tác xã đạt kết quả

tốt. Qua đó, Chi bộ Đảng đã xây dựng được lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vững tin vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, đoàn kết thống nhất trong nội bộ Đảng và giữa Đảng với nhân dân.

Giai đoạn 1958-1960, Chi bộ Đảng xã Nam Cường đã lãnh đạo nhân dân giành được nhiều thành tích trong việc thực hiện kế hoạch 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được hình thành, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện và ổn định, tạo ra cơ sở thuận lợi để bước vào giai đoạn cách mạng mới, thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, bước đầu xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội.

### **3. Chi bộ xã Nam Cường lãnh đạo nhân dân thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965)**

Đến cuối năm 1960, toàn miền Bắc đã căn bản hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, tạo dựng được những điều kiện quan trọng, thuận lợi để tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm hậu thuẫn vững chắc cho cách mạng miền Nam.

Tháng 9-1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đã diễn ra tại Thủ đô Hà Nội, Đại hội xác định rõ nhiệm vụ chiến lược của cách mạng là: “Đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đồng thời hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, tiến tới thống nhất đất nước”. Về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, Đại hội xác định đường lối cơ bản là: Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách

hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ; đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng, văn hóa và khoa học - kỹ thuật, nhằm đưa nước ta thành nước xã hội chủ nghĩa có nền công nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học tiên tiến. Để xây dựng miền Bắc thành hậu phương vững chắc, Đại hội đã đề ra đường lối chung và được cụ thể hóa trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965).

Quán triệt Nghị quyết của Trung ương, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Chợ Đồn lần thứ V (tháng 3-1961), Chi bộ Đảng Nam Cường đã xác định: Kế hoạch 5 năm sẽ xây dựng quê hương vững mạnh về mọi mặt, trong đó tạo bước phát triển quan trọng trong cơ cấu kinh tế cơ bản nông - lâm nghiệp. Đồng thời ra sức phát triển văn hóa, giáo dục, xây dựng nếp sống mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. Tăng cường củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh xã hội, góp phần xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa trở thành hậu phương vững chắc, chi viện đắc lực cho cách mạng miền Nam.

Để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, Chi bộ xã chủ trương tiếp tục củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất mới. Năm 1962, xã thành lập thêm hai hợp tác xã là: Hợp tác xã Bản Cháy do ông Ma Thế Nguyên làm Chủ nhiệm và Hợp tác xã Bản Lồm do ông Dương Đình Lợi làm Chủ nhiệm.

Hợp tác xã tín dụng sau một thời gian hoạt động đã phát huy được vai trò của mình trong việc huy động vốn trong dân, cho hợp tác xã vay vốn, đầu tư vào sản xuất.

Năm 1961, hợp tác xã mua bán xã Nam Cường được thành lập, do ông Trần Ngọc Bích làm Chủ nhiệm. Hợp tác xã có vai trò phân phối các mặt hàng chủ yếu là vải, muối, thực phẩm, xà phòng... các nhu yếu phẩm cho nhân dân.

Để tập trung đẩy mạnh nhiệm vụ sản xuất nông nghiệp, Chi bộ và chính quyền xã Nam Cường đã tăng cường lãnh đạo nhân dân thực hiện thâm canh tăng vụ, phấn đấu đạt 3 chỉ tiêu về diện tích, năng suất và sản lượng. Việc mở rộng diện tích lúa chiêm và lúa Nam Ninh trong sản xuất vụ đông - xuân được coi là giải pháp tăng vòng quay của đất. Để tạo bước chuyển biến trong sản xuất đông - xuân, Chi bộ Đảng đã vận động nhân dân hưởng ứng các phong trào do tỉnh, huyện phát động như: phong trào “Đèo Giàng anh dũng, đông - xuân đại thắng”, “Vượt gió Đại Phong, đông - xuân chiến thắng”.

Trên địa bàn xã, các hợp tác xã hăng hái tiến hành các chiến dịch làm phân, làm thủy lợi, mở rộng diện tích canh tác đông - xuân, áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật trong sản xuất... Nhờ đó, diện tích và năng suất lúa đông - xuân (cả lúa chiêm và lúa Nam Ninh) qua từng năm từ 1961-1963 không ngừng tăng lên, đạt và vượt kế hoạch trên giao.

Sau khi kết thúc thu hoạch vụ đông - xuân, các hợp tác xã lại khẩn trương đẩy mạnh sản xuất vụ mùa cho kịp thời vụ. Đoàn viên thanh niên là lực lượng xung kích đi đầu trong phong trào. Với khẩu hiệu “Phất cao cờ Đoàn giành vụ mùa thắng lợi”, các chi đoàn thanh niên đã tổ chức lực lượng tranh thủ thời gian cày bừa sáng, chiều,

quyết tâm giành vụ mùa thắng lợi. Nhìn chung, năm 1963 năng suất và sản lượng lương thực của xã đạt xấp xỉ chỉ tiêu trên giao.

Trong sản xuất cả hai vụ đông - xuân và mùa với một xã miền núi như Nam Cường, công tác thủy lợi luôn luôn là vấn đề quan trọng trong sản xuất từng vụ. Các hợp tác xã đã vận động nhân dân nhất là lực lượng thanh niên tập trung vào công tác thủy lợi. Trong thời gian này, Chi bộ chỉ đạo và huy động nhân dân các thôn, bản tiếp tục xây dựng công trình mương phai lớn của xã. Đến năm 1964, công trình hoàn thành, là một trong những công trình thủy lợi lớn đầu tiên của huyện. Nhờ những cố gắng trong công tác thủy lợi, nên trong các năm 1964-1965 xã vẫn đảm bảo được diện tích cấy cả hai vụ theo kế hoạch.

Năm 1964, phong trào sản xuất đua hoa màu xuống ruộng tiếp tục được mở rộng nhất là cây ngô chiêm. Việc đẩy mạnh trồng màu góp phần bổ sung nguồn lương thực cho đồng bào, tạo điều kiện phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Để thực hiện thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất lúa, vấn đề phân bón và các biện pháp kỹ thuật nông nghiệp được xác định là mấu chốt. Vì thế nhiều chiến dịch làm phân được phát động, thanh niên, phụ nữ là những người giữ vai trò chủ chốt sản xuất phân xanh, thu gom phân chuồng, phân rác, chuyển phân xuống ruộng bằng chính đôi vai của mình hoặc dùng trâu kéo lóng, xe quệt... Các biện pháp kỹ thuật thâm canh và sử dụng nông cụ cải tiến ngày càng được áp dụng rộng rãi. Từ việc sử dụng cày 51,

bừa đôi bảo đảm cày sâu, bừa kỹ đến việc cấy nhỏ dành, cấy dày hợp lý đúng yêu cầu kỹ thuật và làm cỏ bằng cào răng sắt, bón phân, sục bùn phù hợp với quá trình sinh trưởng của cây lúa được thực hiện chặt chẽ góp phần quan trọng nâng cao năng suất.

Trong 5 năm (1961-1965), chăn nuôi đại gia súc, gia cầm chủ yếu vẫn là các hộ gia đình. Thực hiện chủ trương của Đảng bộ huyện, Chi bộ Đảng Nam Cường đã lãnh đạo nhân dân tích cực sửa chữa chuồng trại: có ván lát sàn, che chắn gió lạnh mùa đông, tích trữ rơm rạ cho trâu, bò ăn trong những ngày giá rét. Tuy vậy, ở một số thôn bản, tình trạng thả đông trâu, bò trong mùa đông còn phổ biến, việc chăm sóc, phòng dịch còn nhiều yếu kém nên đàn trâu, bò phát triển chưa tương xứng với khả năng của địa phương, chưa đáp ứng được nhu cầu sức kéo của các hợp tác xã.

Bên cạnh trồng trọt và chăn nuôi, lâm nghiệp của xã cũng giữ vị trí quan trọng, nhằm khai thác và phát huy những tiềm năng của rừng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Để phát triển kinh tế rừng, Chi bộ chủ trương tăng cường tuyên truyền giáo dục trong nhân dân nâng cao trách nhiệm bảo vệ rừng, trồng cây gây rừng, ngăn chặn các hoạt động đốt phá rừng làm rẫy. Thực hiện Nghị định 221 của Chi ủy, công tác trồng rừng, bảo vệ rừng được cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm và đạt được những kết quả đáng khích lệ. Nhân dân đã hăng hái tham gia trồng cây lấy gỗ, lấy dầu, cây ăn quả... Khai thác các loại nứa, vầu, các loại gỗ dùng làm vật liệu xây dựng nhà cửa, đồ dùng, công cụ sản xuất...

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về xây dựng, phát triển vùng kinh tế mới, ngày 21-2-1963, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 17/NĐ-CP quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy thực hiện công tác khai hoang.

Triển khai công tác khai hoang, cuối năm 1965, Chi bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc xã Nam Cường đã lãnh đạo các ngành, các giới, các hợp tác xã tiếp nhận 19 hộ dân ở Quỳnh Phụ (Thái Bình) lên làm kinh tế mới tại Bản Luộc và Bản Mới. Phát huy tinh thần đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, Chi bộ Đảng, chính quyền cùng nhân dân trong xã đã phối hợp với các đoàn khai hoang, xây dựng phương án, lập kế hoạch, bố trí, sắp xếp chỗ ở xen kẽ cho nhân dân đến khai hoang và nhân dân địa phương. Đồng thời, tích cực giúp đỡ nhân dân khai hoang làm quen với phong tục, tập quán địa phương. Tổ chức hình thành các đội sản xuất, hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

Được đồng bào các dân tộc trong các hợp tác xã tận tình giúp đỡ, “đồng bào khai hoang” - cách gọi của đồng bào miền núi, đã ổn định sản xuất, đời sống, tham gia phát triển kinh tế, văn hóa - giáo dục ở địa phương, thực hiện đóng góp nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước... Một số gia đình trong xã làm được nhà gỗ khung trang có “bát ăn bát để”, đời sống vật chất, văn hóa tinh thần được cải thiện rõ rệt.

Để tạo điều kiện cho đồng bào Dao đi vào con đường làm ăn tập thể ổn định sản xuất và đời sống, Chi bộ Đảng đã lãnh đạo công tác định canh định cư, vận động đồng bào Dao hạ sơn. Năm 1965, xã đã xây dựng được công

trình nước sạch tại bản Phiêng Cà, nơi có đông đồng bào dân tộc Dao sinh sống.

Trong 5 năm (1961-1965), Chi bộ và chính quyền xã tiếp tục lãnh đạo nhân dân các dân tộc tham gia xây dựng, hoàn thành con đường liên huyện 29 và các con đường giao thông nông thôn trong xã, nối liền từ Quảng Bạch đến Nam Cường, thông sang huyện Ba Bể. Xã đã huy động được một lực lượng lớn nhân công với hàng nghìn ngày công tham gia đào đắp hàng nghìn mét khối đất đá.

Kế hoạch 5 năm (1961-1965) với Chi bộ và nhân dân các dân tộc Nam Cường là kế hoạch tiến công vào nghèo nàn và lạc hậu, đồng thời với việc đẩy mạnh phát triển kinh tế, Chi bộ còn ra sức lãnh đạo sự nghiệp phát triển văn hóa giáo dục, nâng cao một bước trình độ dân trí, đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân, góp phần quan trọng vào việc đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ văn hóa giáo dục, khoa học kỹ thuật cho địa phương và đất nước.

Về giáo dục, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, điều kiện thực hành, nhưng với quyết tâm “thi đua dạy tốt, học tốt” thầy và trò xã Nam Cường đã vượt lên khó khăn để tích cực học tập, hầu hết con em các dân tộc đều được tạo điều kiện học hành. Trong 5 năm (1961-1965) quy mô đào tạo của hệ thống giáo dục phổ thông không ngừng được mở rộng, số lượng học sinh, đội ngũ cán bộ giáo viên ngày càng đông đảo, chất lượng giáo dục từng bước được nâng cao. Cơ sở vật chất từ lớp học, bàn ghế, bảng đen cho tới sân chơi được củng cố tốt hơn, cảnh quan môi trường giáo dục được cải thiện một bước.